

## MỘT DÒNG BÁT NHÃ



“Giáo lý Đạo Trời cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho tôn giáo nào, cho phe phái nào. Nếu có riêng là riêng cho những người dục vọng bại hoại lương tri.

Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó. Việc làm này không luận là lớn tuổi, nhỏ tuổi, không luận là hội thánh hay tòa thánh, cũng không luận là có đạo nhiều năm hay người mới vào, ít tuổi đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi đạo lý, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá.”

**Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh**

*Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (20-8-1967)*

**HUỆ KHẢI**  
(Dũ Lan Lê Anh Dũng)

# MỘT DÒNG BÁT NHÃ

Nhà xuất bản **TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN**  
SAN MARTIN, CA, USA  
*Rằm Trung Nguyên (8/2012)*

## MỤC LỤC

# MỘT DÒNG BÁT NHÃ

<i>Giao cảm</i>	5
1. Thánh giáo Đức Thái Thượng Đạo Tổ	7
2. Tâm pháp giải trần lao	11
3. Thánh giáo Đức Quán Thế Âm Bồ Tát	36
4. Một dòng bát nhã	39

**HUỆ KHẢI** Lê Anh Dũng giữ bản quyền  
© All rights reserved – 2010

## Giao cảm

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*“Hiểu một việc, làm một việc. Hiểu một đoạn đường nên đi đầu dẫn kẻ khác đi trên đoạn đường ấy. Hiểu một lời chọn lý, nên phổ truyền lời chọn lý ấy cho kẻ khác. Hiểu một quyển kinh, nên đem quyển kinh ấy phổ biến cho kẻ khác cùng hiểu.*

*Việc làm với tâm thành chí chánh chí chọn, vô tư kỳ tư lợi, đó là đã làm được việc đạo trong đời của mình rồi. Đừng bao giờ có mặc cảm rằng đợi học hỏi nghiên cứu cho cùng tận rồi mới đem phổ truyền cho kẻ khác.*

*Đạo pháp trường lưu, bao la lớn rộng, nào ai dám nói rằng mình đã hiểu rốt ráo, biết tận cùng, dầu đó là hàng Phật Tiên Thánh Thần, và các bậc ấy vẫn còn đang học đạo kia mà, nhưng vẫn hành đạo luôn luôn.”*<sup>(1)</sup>

Tuân theo thánh ý của Đức Thiền Sư, tôi xin trân trọng kính gửi đến quý bạn đọc tập sách mỏng này, gồm hai bài nói chuyện tôi đã có dịp trình bày tại hội trường thuyết minh giáo lý của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý trong dịp sóc, vọng.

Để quý bạn đọc tiện tham khảo, trước mỗi bài nói chuyện, tôi in lại nguyên bản thánh giáo, sau đó in tiếp theo phần khai triển của tôi, gọi là chia sẻ đôi điều nghĩ vụng của bản thân trong lúc học tập hai bài thánh giáo của

Đức Thái Thượng Đạo Tổ, và Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: *“Đừng bao giờ quan niệm rằng ngôi không, chờ ngày Chí Tôn vận hành cho Cơ Đạo thành.”*<sup>(2)</sup> Thông qua chương trình ấn tống của nhà xuất bản Tam Giáo Đồng Nguyên, những người con Áo Trắng tại hải ngoại thay vì thụ động “ngôi không” chờ đợi phép màu thì đã và đang tích cực chung tay góp sức thực hành hai câu “*Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai, nhĩ nguyện phổ độ chúng sanh*” bằng cách mượn phương tiện pháp thí để cùng nhau quay bánh xe pháp hoằng giáo Kỳ Ba, góp phần hiện thực câu thánh ngôn thời mở Đạo như một tiên tri của Đức Chí Tôn đang ứng nghiệm: *“Nam Bắc xong rồi ra ngoại quốc...”*

Đây không phải là quyển sách đầu tiên của tôi được ấn tống tại hải ngoại. Tôi vô cùng cảm kích và ghi nhớ mãi tấm lòng cao cả, quảng đại của nhà xuất bản Tam Giáo Đồng Nguyên cũng như biết bao vị Thiên ân chức sắc, chức việc, tín hữu, đạo tâm trong và ngoài cộng đồng Cao Đài thường xuyên đóng góp tài lực và sức lực để dòng đạo pháp được trường lưu bất tuyệt.

Tôi xin tri ân và kính thành cầu nguyện Đức Chí Tôn ban phước lành đến toàn thể quý vị Mạnh Thường Quân và cứu huyền thất tổ của quý vị bấy lâu nay vẫn luôn luôn nhiệt thành, tận tụy ủng hộ chương trình ấn tống của nhà xuất bản Tam Giáo Đồng Nguyên.

*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

**HUỆ KHẢI**

31-8-2010

<sup>(1)</sup> Minh Lý Thánh Hội, 01-8 Kỷ Dậu (12-9-1969).

<sup>(2)</sup> Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu (30-01-1970).

## Thánh giáo Đức Thái Thượng Đạo Tổ

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam  
Tý thời, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973)

(...)

### TIẾP ĐIỂN

#### THI

**Thái** Hòa vạn tượng chiếu Nam Giao,  
**Thượng** đức trì tu phóng nghịet bào,  
**Đạo** thị hư vô nhi vạn hữu,  
**Tổ** truyền tâm pháp giải trần lao.

#### Thái Thượng Đạo Tổ

Khánh hỷ! Khánh hỷ chư môn sanh nam nữ!

Qua mấy nghìn năm rồi mà chư môn sanh vẫn còn ghi nhớ ngày Lão trải ánh linh quang đến cõi trần để đem vạn linh từ chốn trầm luân trở về cùng Đạo.

Nhân lòng thành kính của chư môn sanh, Lão đáp lại câu “*Thượng đức bất đức, hạ đức chấp đức, chấp trứ chi giả bất minh đạo đức*” để giảng lại cho chư môn sanh ngõ hầu áp dụng trên đường tu thân hành đạo.

Lão miễn lễ, chư môn sanh đồng an tọa.

#### THI BÀI

*Hồi hành giả muốn thông lý Đạo,  
Nghe lời Ta dặn bảo trì tu,  
Kiếp người dày dặn công phu,  
Mà không thoát khỏi ngục tù này ư?  
Điểm linh quang ban từ thượng giới,*

*Vào nhục thân vun xới cõi lành,  
Âm dương, động tịnh, trước thanh,  
Thần hình tương ý tương sanh đó là.  
  
Lặng lẽ nhìn Trời ta vốn một,  
Máu hữu hình then chốt như nhau,  
Thanh đó là trước nguồn đầu,  
Động cùng nên tịnh diệu mầu lắm thay!  
  
Là thượng đức hòa hài muôn vật,  
Không ngã nhân, đắc thất, vong tồn,  
Thân thiên hạ, đạo linh hồn,  
Vui tình Tạo Hóa, bảo tồn vạn sanh.  
  
Đức đã tốt, thần hình hòa diệu,  
Đạo chói ngời, quan khiêu giao thông,  
Dù còn ở chốn trần hồng,  
Nhu non vời vợi, như dòng luân lưu.  
  
Tiên thiên khí một bầu thâm liêm,  
Dụng gương thần trợ hiểm phò nguy,  
Vô vi mà vô bất vi,  
Dụng đời trị đạo thực thi tài thành.  
  
Người hạ đức còn tranh chấp đức,  
Lập đức trong lãnh vực bù trừ,  
Có thật thì phải có hư,  
Công ơn ắt phải công tư đắp bù.  
  
Người tu học trước tu lập đức,  
Đạo đức tròn vượt bậc thế nhân,  
Vào trần chẳng nhiễm bụi trần,  
Nhục thân chế ngự, kim thân trau dồi.*

Đạo có nói ba ngôi mà một,  
 Nhơn sanh này vốn một trong ba,  
 Đẻ duôi nên vương trần la,  
 Thiên khuynh địa hãm ái hà giam thân.  
 Nho mới dạy Ba Giềng Năm Mối,  
 Thích Tam Quy Ngũ Giới làm đầu,  
 Đạo dùng Tam Bửu luyện trau,  
 Năm Hành sanh khắc diệu mẫu tâm tu.  
 Chỗ hòa hợp công phu tác động,  
 Cấm sát sanh để rộng lòng Nhân,  
 Trên trời sao Tuế rạng ngàn,  
 Phương Đông ổn định khí thần hòa vui.  
 Người Can Đởm vững ngôi hành Mộc,  
 Thân khỏi loài tà độc nhiều nhưong,  
 Cấm trộm cắp, không tổn thương,  
 Hành Kim vượng khí vẹn đường Nghĩa ân.  
 Trời Thái Bạch muôn phần tỏ rạng,  
 Đất phương Tây sung mãn điều hòa,  
 Người thì trường Phế tằng gia,  
 Kiện hành thông khí mận mà dưỡng nuôi.  
 Cấm tà dâm trau dồi đức Lễ,  
 Hỏa hậu điều tiết chế âm sanh,  
 Trên trời Huỳnh Hoặ trong thanh,  
 Phương Nam an định điềm lành việc may.  
 Người Tâm trường an bài sinh động,  
 Chủ hình hài huyết thống truyền ban,  
 Giữ cho thân định khí an,  
 Vóc hình khang kiện đảm đang trị vì.  
 Cấm tửu nhục kiên trì đức Trí,

Thanh mậu nhờ hành Thủy rưới chan,  
 Thần tinh soi sáng dặm ngàn,  
 Đất thì phương Bắc thoát nàn giam tai.  
 Người Thận thủy đủ đầy mát mẽ,  
 Cho Bàng Quang nhậm lệ điều hành,  
 Cấm điều vọng ngữ hư danh,  
 Giữ gìn chữ Tín cho thành thiện chơn.  
 Thổ trung ương trong phần chuyển vận,  
 Trời Trấn tinh khởi chấn thiên quang,  
 Đất là Mộ Kỳ định an,  
 Người thì Tỳ Vị kiện khang lưu hành.  
 Học tìm hiểu cho rành đạo lý,  
 Tìm cho thông cốt chỉ bì phu,  
 Nội tâm ngoại cảnh vận trù,  
 Thường hành nhật dụng công phu viên thành.

Hỡi chư môn sanh! Đạo không nói được chỗ nói, mà làm được chỗ làm. Đọc thơ không nên để đọc thơ, mà cầu lý. Lý đã thông thì việc làm sẽ thành tựu.

Lão ban ơn cho chư môn sanh. Nhớ lời Lão dạy.

(...) Lão hồi động phủ.<sup>(3)</sup> Thăng.

<sup>(3)</sup> Động phủ 洞府: Động tiên, nơi ở của các vị tiên.

## Tâm pháp giải trần lao

Đây là thánh giáo do Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Tý thời, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

### 1. Thánh giáo

*Thái Hòa vạn tượng chiếu Nam Giao,  
Thượng đức trì tu phóng nghiệp bào,  
Đạo thị hư vô nhi vạn hữu,  
Tổ truyền tâm pháp giải trần lao.*

#### Nghĩ vụng 1

*Nam Giao* 南交: Tên gọi của Việt Nam có từ đời Hán. Bấy giờ Sĩ Tiếp (sử thường viết là Sĩ Nhiếp, cũng gọi Sĩ Vương, 187-226) được tôn là “Nam Giao học tổ” vì có công truyền bá Nho học vào Việt Nam.

*Thái Hòa* 太和: Theo *Thái Bình Kinh*, khi ba khí của trời, đất, người (*tam tài* 三才) hợp lại thì sinh ra khí Thái Hòa. Thái Hòa là khí sinh ra cảnh thái bình.<sup>(4)</sup>

*Vạn tượng* 萬象: Vô số hình ảnh.

*Thượng đức* 上德: Bậc đức cao, đức lớn.

<sup>(4)</sup> Tham khảo: *Tư Tưởng Đạo Gia* 道家思想 của Lê Anh Minh, chương 3, câu 71: Tam khí hợp tịnh vi Thái Hòa dã. Thái Hòa tức xuất thái bình chi khí. (Thái Bình Kinh) 三氣合并為太和也。太和即出太平之氣。(太平經)

*Trì tu* 持修: Tu hành không lơ lửng.

*Nghiệt bào* 孽袍: Cái áo oan nghiệt. *Phóng nghiệp bào* 放孽袍: Cởi bỏ cái áo oan nghiệt (đang bao trùm lấy thân mình).

*Trần lao* 塵牢: Nhà lao trần gian. Ngụ ý rằng cõi thế gian là nhà tù giam hãm con người.

Bài thơ xưng danh quán thủ (khoán thủ) là *Thái Thượng Đạo Tổ*. Đại ý bài thơ như sau:

a. *Thái Hòa vạn tượng chiếu Nam Giao* 太和萬象照南交

(Khí thái hòa chiếu sáng đất Việt tạo nên vô số hình tượng đẹp.)

Ngụ ý, do dân Việt biết tu hành, người hòa cùng trời và đất, tạo thành bầu điện lành chiếu sáng rực rỡ. (Tuy nhiên mắt thường không thấy.)

b. *Thượng đức trì tu phóng nghiệp bào* 上德持修放孽袍

(Bậc thượng đức tu hành không lơ lửng để cởi bỏ chiếc áo oan nghiệt.)

Ngụ ý, do nhiều kiếp luân hồi, nợ nần vay mượn, mỗi mảnh đời hiện nay đang chịu nhiều ràng buộc giống như khoác vào thân chiếc áo oan khiến nghiệp chướng. Bậc đức cao siêu tu giải trừ nghiệp chướng tức là đang lo cởi bỏ cái áo ấy.

c. *Đạo thị hư vô nhi vạn hữu* 道是虛無而萬有

(Đạo vốn là hư vô nhưng luôn có trong vạn vật hữu hình.)

Ngụ ý rằng Đạo vô hình, mắt trần không nhìn thấy nhưng không chỗ nào, không điều gì không tàng ẩn Đạo.

d. *Tổ truyền tâm pháp giải trần lao* 祖傳心法解塵牢

(Đức Đạo Tổ truyền dạy tâm pháp tức là phép tịnh luyện, phép ngòai thiên, để các đệ tử thoát khỏi kiếp lao tù trần thế.)

Ngụ ý, trần gian là ngục tù giam hãm kiếp người, nhờ hành thiện mà con người sẽ được giải thoát.

## 2. Thánh giáo

“*Khánh hỷ! Khánh hỷ chư môn sanh nam nữ!*”

### Nghĩ vụng 2

*Khánh hỷ! 慶喜:* Chúc mừng!

Tại sao Đức Đạo Tổ lại hai lần nói *khánh hỷ* để chúc mừng các môn sanh nam nữ?

Con người biết tu hành để giải nghiệp, thoát cảnh trần gian bố buộc như cảnh lao tù, cho nên Ngài chúc mừng. Hơn nữa, thời hạ nguơn mặt kiếp người đời rất đông mà người tu rất ít, cho nên Ngài chúc mừng thêm lần nữa cho ai biết hành thiện để giải thoát.

## 3. Thánh giáo

“*Qua mấy nghìn năm rồi mà chư môn sanh vẫn còn ghi nhớ ngày Lão trải ánh linh quang đến cõi trần để đem vạn linh từ chốn trầm luân trở về cùng Đạo.*”

### Nghĩ vụng 3

Trong kinh cúng tứ thời của đạo Cao Đài, bài xưng tán Tiên Giáo có câu: *Nhị ngoạt thập ngũ phân tánh giáng sanh 二月十五分性降生.*

Ngày rằm tháng Hai hàng năm môn sanh Cao Đài các nơi đều cử hành đại lễ kỷ niệm thánh đản của Đức Thái Thượng Đạo Tổ. Do đó khi lâm đàn Ngài dạy như trên.

## 4. Thánh giáo

“*Nhân lòng thành kính của chư môn sanh, Lão đáp lại câu ‘Thượng đức bất đức, hạ đức chấp đức, chấp trú chi giả bất minh đạo đức’ để giảng lại cho chư môn sanh ngõ hầu áp*

*dụng trên đường tu thân hành đạo.*”

### Nghĩ vụng 4

**a. Thượng đức bất đức 上德不德:** Bậc đức cao không theo quy ước đạo đức của thế tục (cách cư xử của các vị có thể không giống như quy ước xã giao, luân lý thông thường của người đời).

*Thí dụ một,* người thế gian xem chuyện giao tế, thăm hỏi lẫn nhau là lễ nghĩa ở đời. Bậc thượng đức quý thời gian eo hẹp, chỉ muốn dành hết ngày giờ để tu học, hành thiện cho nên không chịu giao du, hạn chế những sự thăm viếng phù phiếm.

*Thí dụ hai,* người thế gian xem chuyện khóc lóc thảm thiết trong đám tang là hiếu, là thương nhớ kẻ qua đời (nên có nhà còn tốn tiền thuê người khóc mướn). Khi ma chay, cúng giỗ thì sát sanh đãi dâng linh đình để trả nợ miệng. Bậc thượng đức hiểu rằng tất cả các việc làm làm lẫn đó đều trói buộc vong hồn vào vòng luân hồi, không còn neo siêu thoát. Thế nên bậc thượng đức không làm đám tang rình rang và không cúng giỗ với tiệc mặn linh đình theo kiểu dân gian.

*Thí dụ ba,* người thế gian xem chuyện sinh con nối dõi tông đường là hiếu. Bậc thượng đức xem xuất gia tu hành mới là đại hiếu vì người tu có thể cứu rỗi cho cửu huyền thất tổ, trái lại hôn nhân, con cái là ràng buộc. Thế nên, khi thái tử Cồ Đàm (*Gautama*) sinh con trai đầu lòng, Ngài bèn đặt tên là La Hâu La (*Rahula*), có nghĩa là *chương ngại và trói buộc*. Sau đó, ngài mau mau trốn khỏi hoàng cung tìm đạo, sợ nắn ná thì sẽ có thêm một La Hâu La khác!

*Thí dụ bốn,* người thế gian xem việc phá hoại hôn nhân của kẻ khác là ác độc. Nhưng Đức Phật Thích Ca nghĩ

khác. Khi biết em họ của Ngài là A Nan (*Ananda*) đang làm đám cưới, sợ A Nan vì việc này mà chìm đắm biên trần, Phật liền rời tịnh xá, đi thẳng vào hoàng cung và đưa A Nan về tịnh xá quy y ngay, bắt chấp chú rể lẫn cô dâu dang dở việc trăm năm. Nhờ Phật hành xử theo bậc thượng đức mà sau này A Nan thành chánh quả.

**b. Hạ đức chấp đức** 下德執德: Kẻ đức thấp câu nệ vào quy ước đạo đức của thế tục (tục đức).

*Chấp trừ chi giả* 執著之者: Kẻ mà câu nệ (tục đức) như vậy. (Chấp trừ cũng đọc là chấp trước.)

*Bất minh đạo đức* 不明道德: Không hiểu rõ hai chữ đạo đức đúng nghĩa theo đạo lý.

**c.** Nguyên ý trong *Đạo Đức Kinh* (chương 38) là:

“*Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức. Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức.*”

上德不德, 是以有德. 下德不失德, 是以無德.

(Bậc đức cao coi thường tục đức, vì thế nên có đức đúng theo lẽ đạo, không phù phiếm. Người đức thấp câu nệ vào tục đức, tuy không đánh mất tục đức phù phiếm, nhưng vì thế mà lại không có được cái đức của bậc siêu phàm.)

Ở đây Đức Đạo Tổ nhắc lại ý Đức Lão Tử (một kiếp giáng sinh của Ngài), phân tách thế nào là sống đạo đức chân chính và thế nào là sống đạo đức giả tạo, phù phiếm (tục đức).

Sống đạo đức chân chính là tu hành, lấy việc trau dồi tâm linh làm trọng, thuận theo lẽ Trời, không câu nệ những hình thức giả tạo do quy ước xã hội bày ra (mỗi nơi, mỗi thời, mỗi nền văn hóa đều khác nhau, nghĩa là tục đức chỉ có giá trị tương đối trong không gian và thời gian).

## 5. Thánh giáo

*Hồi hành giả muốn thông lý đạo,  
Nghe lời Ta dặn bảo trì tu,  
Kiếp người dày dặn công phu,  
Mà không thoát khỏi ngục tù này ư?*

### Nghĩ vụng 5

Hai chữ ngục tù làm con người ngạc nhiên. Ai cũng nghĩ rằng mình đang tự do, có bị bỏ tù đâu? Ở đây Đức Thái Thượng nói tới *ngục tù tinh thần*.

On Trên thường dạy rằng phạm nhân thực sự chưa làm chủ nhân ông nghĩa là làm chủ thân xác và ý muốn của mình.

Thật vậy, tham, sân, si và lục dục thất tình luôn xui khiến, dẫn dắt con người làm theo ý chúng. Những ham muốn trần tục đang trói buộc, giam cầm con người. Ngoài ra, thân thể còn bị bệnh tật đeo đẳng. Thế nên Tiên gia bảo con người đang ở trong nhà tù mà vách nhà tù này xây cất bằng bệnh tật và những ham muốn phạm tục, chúng làm con người thật sự mất tự do.

Người tu hành dùng công phu luyện đạo để chế ngự tham sân si, lục dục thất tình, phá bỏ những ham muốn ràng buộc. Công phu đạt hiệu quả lại có năng lực giữ gìn thân thể khỏe mạnh, thoát khỏi bệnh tật.

Nói khác đi, tu thiên hay tịnh luyện là tìm sự giải thoát. Tu thiên mà còn thấy ràng buộc, chưa thông dong cả thân xác lẫn tinh thần, tình cảm tức là còn bị ở tù, là tu chưa tiến bộ, chưa có kết quả.

Đức Thái Thượng hỏi:

*Kiếp người dày dặn công phu,  
Mà không thoát khỏi ngục tù này ư?*

Ngài ngụ ý nhắc nhở môn đồ hãy hết lòng tin tưởng vào phép tu thiên có thừa năng lực huyền diệu để giải thoát cho



con người. Nếu người chưa được giải thoát, chẳng qua vì chưa công phu thật sự đủ đầy, đúng mức.

## 6. Thánh giáo

*Điểm linh quang ban từ thượng giới,  
Vào nhục thân vun xới cõi lành,  
Âm dương, động tịnh, trước thanh,  
Thần hình tương ý tương sanh đó là.*

### Nghĩ vụng 6

*Linh quang* 靈光: Trời là Thái Cực Đại Linh Quang, người là tiểu linh quang vì thọ nhận một điểm linh quang do Trời ban cho. Bởi thế, Trời và người cùng một bản thể (đồng tính, đồng chất). Chỗ đồng nhất đó là ánh sáng thiêng liêng (linh quang).

*Vào nhục thân vun xới cõi lành*: Con người mang điểm linh quang trong thân xác, sống trên đời để tu hành, lập công quả bồi âm đức. Khi đủ đầy công quả, công trình và công phu thì trở về hiệp một với Thầy (Đại Linh Quang). Ai sống ở trần gian biết lo tu hành thì gọi là “vun xới cõi lành”. Cõi lành ấy là gốc Đạo, là Phật tánh, Thượng Đế tánh, bản linh chơn tánh mà Trời đã phú bẩm cho mỗi người.

*Âm dương, động tịnh, trước thanh* 陰陽動靜濁清: Âm dương, động tịnh, trước thanh... là những mặt đối lập, khi khái quát hóa thì gọi chung là *âm dương*. Chúng đều có ở vũ trụ và con người. Hai lực lượng đối lập này tạo thành “động năng” cho vũ trụ vận hành, và làm nên “bộ máy” cho con người sống, tu hành ngõ hầu tiến hóa. (Cực pin, bình ắc quy nhờ có hai cực âm và dương mà tạo ra dòng điện có nhiều công dụng.)

*Thần hình* 神形: Thần (phần linh diệu, vô cùng sáng suốt) và hình thể (thân xác).

*Tương ý* 相倚: Nương dựa vào nhau.

*Tương sanh* 相生: Sinh ra nhau.

*Thần hình tương ý tương sanh*: Trong phép tu luyện khứ trước lưu thanh, thần và hình thể cùng được trau giồi, tâm linh và thân xác nương vào nhau mà phát huy tới chỗ đẹp đẽ, linh diệu, như vậy gọi là tương ý tương sinh.

Tu thiền đúng mức và đúng cách thì thân thể khỏe mạnh, dung mạo hiền từ, nét mặt tươi tắn và hòa ái (*hình*). Đồng thời, tu thiền giúp tâm linh sáng suốt, trí huệ hoát khai, không bị u mê mờ mịt... (*thần*).

## 7. Thánh giáo

*Lặng lẽ nhìn Trời ta vốn một,  
Máy hữu hình then chốt như nhau,  
Thanh đó là trước nguồn đầu,  
Động cùng nên tịnh diệu mầu lắm thay!*

### Nghĩ vụng 7

a. Đạo gia cho biết con người ngang hàng trời đất vì là một với trời đất, cùng một cấu tạo âm dương như vạn vật trong vũ trụ.

Trong Nhị Kỳ Phổ Độ ngày xưa, Trang Tử *Nam Hoa Kinh* 莊子南華經 (thiên *Tề Vật Luận* 齊物論) viết:

*Thiên địa dữ ngã tịnh sinh nhi vạn vật dữ ngã vi nhất.*

天地與我并生而萬物與我爲一。

(Trời đất với ta cùng sinh một lượt, vạn vật với ta là một.)

Trong Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay, Đức Chí Tôn dạy:

*Con là một thiêng liêng tại thế,  
Cùng với Thầy đồng thể linh quang...<sup>(5)</sup>*

Và Đức Đạo Tổ nhắc lại chân lý đó:

<sup>(5)</sup> Thiên Lý Đàn, 04-02-1966.

*Lặng lẽ nhìn Trời ta vốn một,  
Mấy hữu hình then chốt như nhau...*

**b. Thanh trước, động tịnh** là hai mặt đối lập của một thực thể, cũng như đêm ngày là hai mặt của một thời gian, khái quát hóa thì gọi là âm dương. Hết trước thì thanh, hết động thì tịnh. Nói khác đi, cái này chuyển thành cái kia. Thế nên Đức Đạo Tổ dạy rằng trước là cội nguồn của thanh, hết động thì trở nên tịnh, đó là lẽ đạo nhiệm mầu, huyền diệu:

*Thanh đó là trước nguồn đầu,  
Động cùng nên tịnh diệu mầu lắm thay!*

## 8. Thánh giáo

*Là thượng đức hòa hài muôn vật,  
Không ngã nhân, đắc thất, vong tôn,  
Thân thiên hạ, đạo linh hồn,  
Vui tình Tạo Hóa, bảo tồn vạn sanh.*

### Nghĩ vụng 8

*Thượng đức* (bậc đức cao) là người đạt đạo, hòa hài muôn vật trên thế gian. Đã hòa hài muôn vật thì không còn phân biệt. Không phân biệt thì không thấy có người có ta, không thấy được thua, không thấy mất còn.

*Thân thiên hạ, đạo linh hồn*: Lấy đời mình phụng sự xã hội, nước non, chúng sanh. Tuy thân sống trong vòng trần gian ràng buộc với nhiều trách nhiệm làm người, nhưng tinh thần hay tâm hồn thì cao thượng, hướng về đạo, phụng sự đời nên dẫn thân vào đời mà không để bị đời cám dỗ. Nói khác đi, xác nương đời mà hồn không lìa đạo.

*Vui tình Tạo Hóa, bảo tồn vạn sanh*: Bậc thượng đức không còn phân biệt ta và người cho nên luôn làm những việc ích lợi cho đời, luôn bảo tồn sự sống muôn vật mà không bao giờ thấy có mình làm ơn, không lúc nào thấy có người thọ ơn.

Lòng vị kỷ được thay thế bằng lòng trời đất hay là tình Tạo Hóa. Mà tình Tạo Hóa là một đức hiệu sinh.

Hình ảnh tuyệt đẹp ấy của bậc thượng đức được diễn tả thơ mộng qua lời Đức An Hòa Thánh Nương dạy:

*Sống đây vũ trụ là nhà,  
Tình là non nước, nghĩa là vạn sinh.<sup>(6)</sup>*

## 9. Thánh giáo

*Đức đã tột, thần hình hòa diệu,  
Đạo chói ngời, quan khiêu giao thông,  
Dù còn ở chốn trần hồng,  
Như non vời vợi, như dòng luân lưu.*

### Nghĩ vụng 9

Trên kia (đoạn thánh giáo 6), trong điều kiện con người còn tu tập, còn mượn “*nhục thân vun xới cội lành*” thì Đức Đạo Tổ dạy “*Thần hình tương ỷ tương sanh*”.

Ở đoạn này Ngài dạy rằng “*thần hình hòa diệu*” tức là hồn xác không còn là hai mặt đối lập nữa, và đây là kết quả của quá trình tu tập đến mức “*đức đã tột*” và người tu khai thông được huyền quan khiêu.

*Huyền quan khiêu* 玄關竅 là *nê hoàn cung* 泥丸宮, là *linh đài* 靈臺, là *cốc thần* 谷神, nằm trong tâm điểm đầu não con người. Y học gọi nơi ấy là não thất ba (*the third ventricle*). Với hành giả Cao Đài, đó là chỗ ngự của *Thiên nhãn nội tại* (*immanent God's eye*).

Như thế, “*quan khiêu giao thông*” là mở khiêu huyền quan, là khai Thiên nhãn nội tại, là đạt tới kết quả “*Đạo sáng ngời*” nơi thân mình.

Bốn chữ *Thần hình hòa diệu* của Đức Đạo Tổ nhắc chúng

<sup>(6)</sup> Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 06-3 Giáp Tý.

ta nhớ lại lời dạy của Đức Chí Tôn: “*Thần hình câu diệu tứ phương cộng đồng*” 神形俱妙四方共同<sup>(7)</sup>

Và bốn chữ *tứ phương cộng đồng* trên đây của Đức Chí Tôn cũng là ý nghĩa của “*hòa hài muôn vật*”, “*không ngã nhân*” trong thánh giáo Đức Đạo Tổ:

*Là thượng đức hòa hài muôn vật,  
Không ngã nhân, đắc thất, vong tồn...*

*Thần hình hòa diệu* (hay thần hình câu diệu) là lúc mà Trang Tử gọi là *thể Đạo* 體道 (nhập với Đạo và trở thành cùng một thể, người Mỹ dịch là *to identify with Dao*).

*Đạo Đức Kinh* (chương 25) viết:

“*Đạo đại, thiên đại, địa đại, nhân diệc đại. Vực trung hữu tứ đại nhi nhân cư kỳ nhất yên.*”

道大, 天大, 地大, 人亦大. 域中有四大而人居其一焉.

(Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, người cũng lớn. Trong thiên hạ có bốn thứ lớn, mà người là một.)

Nói *Đạo lớn* thì khó hình dung vì Đạo vô hình. Nói *trời đất lớn* thì dễ hình dung hơn vì trời đất hiện ra trước mắt. Cho nên lấy hình ảnh trời đất lớn để giúp con người dễ liên tưởng tới cái lớn của Đạo. Sau cùng lại nói *người cũng lớn* mà còn e kẻ học đạo không chú ý nên Đức Lão Tử bèn nhắc lại, nhấn mạnh lần nữa rằng *người là một trong bốn cái lớn*.

Đức Lão Tử ngày xưa không nói người lớn cỡ nào, nhưng hiểu ngầm ở đây là người cũng lớn như trời đất. Con người lớn như trời đất này đương nhiên không hề là phạm nhân tục tử. Đây chính là bậc “*thượng đức*”, là người “*đức đã tột*”, và đã đạt được chỗ “*thần hình hòa diệu*”.

Ngày nay, tầm cỡ con người vĩ đại ấy được Đức Đạo Tổ ví

<sup>(7)</sup> Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-02 Mậu Ngọ.

von một cách thơ mộng là “*như non vời vợi*”.

*Vời vợi* (vời vợi) tức là cao lắm, xa lắm. Con người vĩ đại ấy vừa vượt lên khỏi mọi giới hạn của thế gian, vừa là sinh lực tràn chảy như suối nguồn bất tận. Đó là hình ảnh tượng trưng của “*như dòng luân lưu*” trong thánh giáo Đức Đạo Tổ.

## 10. Thánh giáo

*Tiên thiên khí một bầu thấu liêm,  
Dụng nguơn thần trợ hiểm phò nguy,  
Vô vi mà vô bất vi,  
Dụng đời trị đạo thực thi tài thành.*

### Nghĩ vụng 10

*Nguơn thần* (nguyên thần) 元神 là điểm linh quang, là phần tiên thiên trong tâm con người. Cái đó chưa bị thất tình lục dục làm nhiễu loạn. Nguyên thần gắn liền với *hồn* 魂 (ương). Trái lại, *thức thần* là phần hậu thiên, luôn bị nhiễu loạn do thất tình lục dục. Thức thần gắn liền với *phách* 魄 hay vía (âm).

Tu luyện theo Đạo gia là *luyện hồn chế phách, diệt thức thần để giữ nguyên thân*, trở về nguyên tính mà Phật gọi là *bản lai diện mục* 本來面目 (cái mặt mũi nguyên sơ của mình).

Đức Đạo Tổ dạy “*vô vi mà vô bất vi*”. Đó là Ngài nhắc lại một câu trong *Đạo Đức Kinh* (chương 37):

“*Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.*”

道常無爲而無不爲.

(Đạo thường không làm gì mà chẳng gì lại không làm.)

Câu này thường khó hiểu vì mới nghe qua dễ tưởng chừng như nói năng mâu thuẫn.

Để hiểu ý nghĩa *vô vi mà vô bất vi* hãy trở lại đoạn 8 trên đây: Bậc thượng đức nhờ đã hòa hài muôn vật nên không còn phân biệt có người có ta. Thế nên luôn làm ích lợi cho đời, mà

không bao giờ thấy có mình làm ơn, không lúc nào thấy có người thọ ơn.

Hành xử như thế tức là *vô vi*. Triết lý *vô vi nhi trị* 無爲而治 của Đức Lão Tử cũng thế, nghĩa là cai trị dân nhưng dân không cảm thấy mình bị cai trị, không thấy mình là *trị hạ* 治下 (là kẻ chịu dưới quyền cai trị của quan chức nhà nước).

*Dựng đời*: Xây dựng cuộc đời.

*Trị đạo* 治道: Đem đạo trời đất ra áp dụng cho đời.

*Tài thành* 裁成: Xén tía, điều tiết, bồi đắp cho tốt đẹp hơn.

*Dựng đời trị đạo thực thi tài thành*: Bậc thượng đức thi hành trách vụ của mình là đem đạo trời đất áp dụng cho đời, nhằm xây dựng, sửa sang, điều tiết, bồi đắp cho cuộc đời tốt đẹp hơn.

## 11. Thánh giáo

*Người hạ đức còn tranh chấp đức,*

*Lập đức trong lãnh vực bù trừ,*

*Có thật thì phải có hư,*

*Công ơn ắt phải công tư đắp bù.*

### Nghĩ vụng 11

Ba đoạn thánh giáo 8, 9, 10 trên đây đã nói về bậc thượng đức, mẫu người lý tưởng mà hành giả phải đạt tới. Đoạn 11 này nói về *người hạ đức* với những đức tính, hành vi trái ngược hẳn. Nói gọn, hạ đức làm theo hữu vi, nên có phân biệt ta người, hơn thua, được mất, và làm ơn thì mong được báo đáp, phục vụ thì muốn được trả tiền. Đó là chỗ Đức Đạo Tổ dạy: “*Công ơn ắt phải công tư đắp bù.*”

Lưu ý, *công tư* 工資 ở đây nghĩa là của cải, tiền bạc đem trao đổi với công việc đã làm. Tiền lương, tiền công thợ (*salary, wages*) chính là công tư. Đừng lầm với *công tư* 公私

theo nghĩa chung và riêng (*public and private*).

## 12. Thánh giáo

*Người tu học trước tu lập đức,*

*Đạo đức tròn vượt bực thế nhân,*

*Vào trần chẳng nhiễm bụi trần,*

*Nhục thân chế ngự, kim thân trau dồi.*

### Nghĩ vụng 12

Đoạn này Đức Đạo Tổ nhắc nhở điều tiên quyết của người tu là lập đức để “*vượt bực thế nhân*”, tức là trở nên phi phàm.

*Phi* 非 là trái ngược. *Phi phàm* 非凡 là trái ngược với người đời. Nói *siêu phàm* 超凡 cũng một nghĩa như thế (*out of the ordinary*).

Người đời giữa cõi trần luôn lấm nhiễm bụi trần, còn người phi phàm thì “*Vào trần chẳng nhiễm bụi trần*”. Muốn được vậy, Đức Đạo Tổ dạy rằng người tu phải làm chủ thân xác và thực hành đạo pháp: “*Nhục thân chế ngự, kim thân trau dồi.*”

## 13. Thánh giáo

*Đạo có nói ba ngôi mà một,*

*Nhơn sanh này vốn một trong ba,*

*Để duôi nên vương trần la,*

*Thiên khuynh địa hãm ái hà giam thân.*

### Nghĩ vụng 13

*Ba ngôi* là *tam tài* 三才 (thiên địa nhân). Người là một trong tam tài, tuy ba mà một (*tam tài đồng nhất thể*).

Hai câu sau đây vốn chỉ diễn bày một ý:

*Đạo có nói ba ngôi mà một,*

*Nhơn sanh này vốn một trong ba...*

Đức Đạo Tổ nói hai lần mà không qua một ý là để nhấn

manh giá trị siêu việt của con người, cái giá trị được Trang Tử ca ngợi trong Nam Hoa Kinh: *Trời đất với ta cùng sinh ra một lượt mà vạn vật với ta là một.*

Nhưng giá trị con người trên nguyên tắc càng siêu việt bao nhiêu thì thực trạng nhân tiên lại càng bẽ bàng bấy nhiêu. Một bên cao chót vót, một bên thấp lè tè.

Vì sao con người không có được giá trị siêu việt? Đức Đạo Tổ đã cho biết lý do:

*Để duôi nên vương trần la,  
Thiên khuynh địa hãm ái hà giam thân.*

*Để duôi:* Coi thường.

*Trần la* 塵羅: Tấm lưới trần gian. Trần gian ràng rịt, trói buộc con người cũng như tấm lưới bắt chim.

*Thiên khuynh địa hãm* 天傾地陷: Trời nghiêng, đất vùi lấp.

*Ái hà* 愛河: Con sông tình ái. Tình ái làm con người chìm đắm cũng như sông sâu sóng cả. Có câu *Ái hà thiên xích lãng* 愛河千尺浪 (con sông yêu đương nổi sóng cao cả ngàn thước). Ý nói tình ái dễ làm người chìm đắm.

Con người coi thường, không bảo trọng địa vị của mình là đồng nhất thể với trời đất. Thế nên người sống trong đời giống như con chim mắc lưới, như kẻ xuống sông đắm thuyền, ở trên cạn thì đất lở trời nghiêng. Những ẩn dụ dữ dội ấy nhằm minh họa cho chỗ chí nguy của con người nếu như không sớm biết lo tu để thoát ra khỏi vòng luân hồi.

Nói thêm, như thế có nghĩa là con người tự khinh mình, rẻ rúng mình. Đã tự rẻ rúng mình được thì còn chi mà không dám rẻ khinh người khác? chà đạp người khác?

Bởi tự khinh thường chính ta, mà không thấy rằng ta cũng là một đấng thiêng liêng tại thế gian, rằng trong ta có Trời, Phật, Chúa ngự trị, rằng ta sẽ nên Thánh nên Tiên... Bởi

thường hay tự khinh rẻ mình nên chúng ta để duôi buông lung mà phạm lỗi, mắc tội.

Trái ngược với chúng ta là một vị bồ tát được Đức Phật nói tới trong kinh *Pháp Hoa* (phẩm 20). Hiệu của vị bồ tát này là *Thường Bất Khinh*. Gặp ai bất kỳ ngài cũng đều thành thật cung kính chào hỏi. Ngài luôn bảo: Tôi chẳng dám khinh để quý vị, vì quý vị đều sẽ thành Phật (*Buddha-to-be*).

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy: “*Tu hành là học làm Trời...*” Còn Đức Chí Tôn lại dạy: “*Thầy là các con, các con là Thầy.*”

Phải chăng Thầy ngụ ý nhắc chúng ta nhớ mình là Trời-sẽ-thành (*God-to-be*)? Và, phải chăng Thầy ngụ ý khuyên ta biết tập hành xử trong đời theo cung cách của một ông Trời đối với chúng sinh?

#### 14. Thánh giáo

*Nho mới dạy Ba Giềng Năm Mối,  
Thích Tam Quy Ngũ Giới làm đầu,  
Đạo dùng Tam Bửu luyện trau,  
Năm Hành sanh khắc diệu mầu tâm tu.*

#### Nghĩ vụng 14

Từ đoạn này trở đi Đức Đạo Tổ đem đối chiếu Tam Giáo để phô bày cho môn sanh thấy rõ Khổng (Nho), Lão (Đạo), Thích (Phật) ngôn ngữ tuy khác nhau nhưng chung quy chỉ nói cùng một lẽ (Tam Giáo đồng nhất lý).

Tương đồng Tam Giáo tóm tắt như sau:

Khổng	Lão	Thích
<b>Tam Cang</b>	<b>Tam Bửu</b>	<b>Tam Quy</b>
- Quân thần cang - Phụ tử cang	- Ngươn thần - Ngươn khí	- Quy y Phật - Quy y Pháp

- Phu thê cang	- Nguon tinh	- Quy y Tăng
----------------	--------------	--------------

Theo lời Đức Chí Tôn dạy, có thể hiểu:

*Nguon thần* trong mỗi người như ông vua làm chủ một nước. *Quy y Phật* là tịnh dưỡng nguon thần, bảo trọng chủ nhân ông của mình, tương đồng với đạo vua tôi (*Quân thần cang*).

*Quy y Pháp* là giữ gìn *nguon khí*, tương đồng với đạo cha con (*Phụ tử cang*).

*Quy y Tăng* là bảo tồn *nguon tinh*. Bảo tinh thì liên quan tới sắc dục (*sex*), thế nên tương đồng với đạo vợ chồng (*Phu thê cang*).<sup>(8)</sup>

### 15. Thánh giáo

*Chỗ hòa hợp công phu tác động,  
Cắm sát sanh để rộng lòng Nhân,  
Trên trời sao Tuế rạng ngân,  
Phương Đông ổn định khí thần hòa vui.  
Người Can đởm vững ngôi hành Mộc,  
Thân khỏi loài tà độc nhiều nhưong...*

### Nghĩ vụng 15

Đoạn 14 trên đây chỉ nói phớt qua về lẽ tương đồng Tam Cang, Tam Bửu, Tam Quy. Từ đoạn 15 này trở đi, Đức Đạo Tổ đối chiếu Tam Giáo cho môn sanh hiểu rõ lẽ tương đồng giữa Ngũ Thường 五常 hay Ngũ Đức 五德 (Khổng), Ngũ Hành 五行 (Lão), và Ngũ Giới 五戒 (Thích).

*Sao Tuế* 歲星: Tuế tinh, Mộc tinh 木星, sao Mộc (*Jupiter*).

### 16. Thánh giáo

*Cắm trộm cắp, không tổn thương,  
Hành Kim vượng khí vẹn đường Nghĩa ân.  
Trời Thái Bạch muôn phần tỏ rạng,  
Đất phương Tây sung mãn điều hòa,  
Người thì trường Phế tăng gia,  
Kiện hành thông khí mặn mà dưỡng nuôi.*

### Nghĩ vụng 16

*Thái Bạch* 太白: Kim tinh 金星, sao Kim, Minh tinh 明星, sao Minh, sao Khải Minh 啓明, sao Trường Canh 長庚, gọi là sao Mai vì mọc lúc rạng sáng (*the Morning star*), cũng gọi là sao Hôm vì mọc lúc chiều hôm (*the Evening star*), là *Venus*.

### 17. Thánh giáo

*Cắm tà dâm trau dồi đức Lễ,  
Hỏa hậu điều tiết chế âm sanh,  
Trên trời Huỳnh Hoặc trong thanh,  
Phương Nam an định điềm lành việc may.  
Người Tâm trường an bài sinh động,  
Chủ hình hài huyết thống truyền ban,  
Giữ cho thần định khí an,  
Vóc hình khang kiện đảm đang trị vì.*

<sup>(8)</sup> Đại Thừa Chơn Giáo, dàn ngày 28-8 Bính Tý (1936), bài “Thập Tự Tam Thanh”.

**Nghĩ vụng 17**

*Huỳnh Hoặc* 熒惑: Hỏa tinh 火星, sao Hỏa (Mars).

**18. Thánh giáo**

*Cám tửu nhục kiên trì đức Trí,  
Thạnh mậu nhờ hành Thủy rưới chan,  
Thần tinh soi sáng dặm ngàn,  
Đất thì phương Bắc thoát nàn giẫm tai.  
Người Thận thủy đủ đầy mát mẽ,  
Cho bàng quang nhậm lệ điều hành...*

**Nghĩ vụng 18**

*Thần tinh* 辰星: Sao Thần, Thủy tinh 水星, sao Thủy (Mercury).

**19. Thánh giáo**

*Cám điều vụng ngữ hư danh,  
Giữ gìn chữ Tín cho thành thiện chơn.  
Thỏ trung ương trong phần chuyển vận,  
Trời Trấn tinh khởi chấn thiên quang,  
Đất là Mò Kỷ định an,  
Người thì Tỳ vị kiện khang lưu hành.*

**Nghĩ vụng 19**

*Trấn tinh* 鎮星: Sao Trấn, Thổ tinh 土星, sao Thổ, Điền tinh 填星, sao Điền, Tín tinh 信星, sao Tín (Saturn).

Bảng đối chiếu tóm tắt năm đoạn 15-19 như sau:

5 giới	Sát sanh	Du đạo	Tà dâm	Từ nhục	Vọng ngữ
5 đức	Nhân	Nghĩa	Lễ	Trí	Tín
5 hành	Mộc	Kim	Hỏa	Thủy	Thổ
5 sao	sao Mộc sao Tuế Jupiter	sao Kim Thái Bạch Venus	sao Hỏa Huỳnh Hoặc Mars	sao Thủy sao Thần Mercury	sao Thổ sao Trấn Saturn
5 phương	Đông	Tây	Nam	Bắc	Trung ương
10 can	Giáp, Ất	Canh, Tân	Bính, Đinh	Nhâm, Quý	Mò, Kỷ
5 khí	Ấm áp	Mát mẽ	Khô nóng	Lạnh lẽo	Ấm thấp
5 màu	Xanh	Trắng	Đỏ	Đen	Vàng
5 tạng	Gan, Mật (can, đả)	Phổi (phế)	Tim (tâm)	Thận, Bàng quang (bọng đái)	Lá lách, Dạ dày (tỳ vị, bao tử)

**20. Thánh giáo**

*Học tìm hiểu cho rành đạo lý,  
Tìm cho thông cốt chỉ bì phu,  
Nội tâm ngoại cảnh vận trù,  
Thường hành nhật dụng công phu viên thành.*

**Nghĩ vụng 20**

*Cốt chỉ bì phu* 骨脂皮肤: cốt (xương), chỉ (mỡ), bì phu (da).

*Vận trù* 運籌: Điều khiển, hoạt động.

*Nội tâm ngoại cảnh vận trù*: Làm sao cho cảnh bên ngoài không chi phối lòng người tu. Cảnh biến đổi mà lòng không

biến đổi.

*Thường hành nhật dụng* 常行日用: Ngày ngày đều thực hành không bỏ sót.

*Viên thành* 圓成: Thành công trọn vẹn.

Đức Đạo Tổ dạy người học tu phải tìm cho thấu lý. Từ chỗ cạn (ngoài da) đi vào sâu hơn (mỡ, thịt), rồi tới chỗ sâu kín tận cùng (xương, tủy).

Áp dụng, thử hỏi: Từ đoạn thánh giáo 1-13, đang dạy người tu phải lập đức để luyện cho thành bậc thượng đức, vì sao tới đoạn 14 thì Đức Đạo Tổ lại chuyển sang đối chiếu lẽ tương đồng của Tam Giáo?

Sự đối chiếu này ngụ ý sâu xa rằng Cao Đài ngày nay vốn là tinh ba chất lọc từ Tam Giáo xa xưa. Thế nên chỉ tu một pháp môn Cao Đài mà vẫn bao trùm, xuyên suốt luôn Tam Giáo.

Đây là tấm lòng từ bi cứu độ chúng sanh của Đức Đạo Tổ. Bởi lẽ, có thể một số người tuy học đạo Cao Đài nhưng chưa dứt bỏ hoài nghi, còn ngó đông ngó tây, phân vân cao thấp. Đức Chí Tôn cũng vì thương nên có lần dạy: “*Thầy khuyên các con theo sau Thầy mà đến phẩm vị mình thì hay hơn tuông bờ lướt bụi, đi quanh kiếm quất.*”<sup>(9)</sup>

Lại hỏi: Khi đối chiếu Tam Giáo, Đức Đạo Tổ vẫn tắt ở Tam Càng, Tam Bửu, Tam Quy nhưng lại rất chi tiết ở Ngũ Giới Cấm. Vì sao thế?

Khi ban ơn cho thời pháp này, từ đoạn 11 trở ngược lên, Đức Đạo Tổ dạy môn sanh về bậc thượng đức. Nhưng làm sao để trở thành thượng đức?

Câu trả lời nằm ở đoạn 12, Đức Đạo Tổ dạy phải *lập đức*.

<sup>(9)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 2, đàn ngày 21-7-1926.

Hồi khai Đạo, Đức Chí Tôn dạy: “*Thầy đã nói đạo đức cũng như một cái thang vô ngần, bắc cho các con leo đến phẩm vị tối cao tối trọng là ngang bực cùng Thầy...*”<sup>(10)</sup>

Nhưng phải lập đức bằng cách nào?

Đức Lão Tử dạy: *Đi xa ngàn dặm, bắt đầu từ dưới chân.* 千里之行, 始于足下. (Thiên lý chi hành, thủy vu túc hạ. *Đạo Đức Kinh*, chương 64.) Đi xa thì bắt đầu từ chỗ gần, lên cao thì bắt đầu từ chỗ thấp. Do đó người tu khởi sự lập đức bằng cách giữ Ngũ Giới Cấm.

a. Ngũ Giới của Phật Giáo Nhị Kỳ Phổ Độ thật ra không khác mười giới của Bà La Môn Giáo (Ấn Độ Giáo), có thể xem là Phật tóm gọn mười thành năm:

[1] *Ahimsa* (không giết chóc).

[2] *Satya* (không nói dối).

[3] *Asteya* (không trộm cắp).

[4] *Brahmacharya* (không buông thả theo ham muốn).

[5] *Aparigraha* (không tham lam).

[6] *Saucha* (phải sạch sẽ, tinh khiết).

[7] *Santosha* (biết bằng lòng).

[8] *Tapas* (kỷ luật với bản thân).

[9] *Svadhyaya* (phải học tập).

[10] *Ishvara pranidhana* (vâng phục mệnh Trời).

b. Ngũ Giới của Phật Giáo Nhị Kỳ Phổ Độ cũng không khác Mười Điều Răn của Do Thái Giáo trong Nhị Kỳ Phổ Độ.

Thật vậy, năm điều răn 6-10 của Do Thái Giáo như sau:

[6] Không được giết người. (*Tương tự cấm sát sanh.*)

<sup>(10)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, đàn ngày 19-12-1926.



[7] Không được ngoại tình. (*Tương tự cấm tà dâm.*)

[8] Không được trộm cắp. (*Tương tự cấm du đạo.*)

[9] Không được làm chứng dối hại người. (*Tương tự cấm vọng ngữ.*)

[10] Không được ham muốn vợ người ta, không được thèm muốn nhà của người ta, đồng ruộng, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa, hay bất cứ vật gì của người ta. (*Tương tự cấm tà dâm và cấm du đạo.*)

c. Sang Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn lập Tân Luật nhưng vẫn giữ nguyên Ngũ Giới của cựu luật có từ hai kỳ phổ độ trước. Đức Chí Tôn dạy:

“*Chẳng phải Thầy còn buộc theo cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên, Phật đặng.*”<sup>(11)</sup>

Đủ thấy thấy Ngũ Giới Cấm quan trọng biết bao!

Trong năm giới, nếu chưa giữ được trọn đủ thì chí ít phải giữ được giới đầu tiên là không sát sanh. Giữ giới này thì phải ăn chay. Giới này quan trọng và căn bản đến nỗi ngày mới khai Đạo, Đức Chí Tôn đã đại ân xá, cho phép ai ăn chay mười ngày trở lên thì được thọ bửu pháp tức là tu thiên, tập làm hành giả để mon men bước vào con đường học làm bậc thượng đức. (Nhưng sau đó phải mau mau ráng ăn chay trường để tập làm hành giả thực thụ.)

## 21. Thánh giáo

“*Hỡi chư môn sanh! Đạo không nói được chỗ nói, mà làm được chỗ làm. Đọc thơ không nên để đọc thơ, mà cầu lý. Lý đã thông thì việc làm sẽ thành tựu.*”

*Lão ban ơn cho chư môn sanh. Nhớ lời Lão dạy.”*

### Nghĩ vụng 21

<sup>(11)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, đàn ngày 17-7-1926.

a. Đạo không nói được chỗ nói:

Đức Đạo Tổ nhắc lại câu “*Đạo khả đạo phi thường Đạo*” 道可道非常道 trong *Đạo Đức Kinh* (chương 1), nghĩa là nếu nói ra được thì cũng chưa tới hết lẽ mầu nhiệm tuyệt đối của Đạo.

b. mà làm được chỗ làm:

Đạo vốn vô vi, nhưng không gì mà chẳng làm được. Đây là một khía cạnh khác của “*vô vi nhi vô bất vi*”.

c. Đọc thơ không nên để đọc thơ, mà cầu lý:

Người xưa bảo rằng *Độc kinh cầu lý* 讀經求理. Đọc kinh sách để tìm hiểu thấu suốt nghĩa lý thâm sâu. Nhưng không dừng lại ở tri thức, thỏa mãn với kiến văn mà phải thực hành. Trí giả chưa đủ, còn phải tiến lên làm hành giả.

Trong thánh giáo này Đức Đạo Tổ dạy là *Đọc thơ*. Chữ *thơ* vừa có nghĩa là *thư* 書 (kinh sách), vừa có nghĩa là *thi* 詩 (thơ phú). Phần *thi bài* dạy đạo của Đức Đạo Tổ gồm mười chín khổ thơ, cho nên Ngài bảo *đọc thơ* cũng có nghĩa là đọc phần thi bài của Ngài.

\*

Tu Cao Đài là tu Tam Giáo, tu ba trong một. Đi xa khỏi từ gần. Lên cao leo từ chỗ thấp. Muốn làm bậc thượng đức thì người tu bắt đầu từ chỗ lập đức. Lập đức khởi đầu bằng giữ Ngũ Giới. Ngũ Giới khởi đầu bằng mở lòng Nhân, không sát sanh, học theo đức hiếu sanh của Trời. Thế nên nhập môn rồi thì phải tập ăn chay. Chí ít giữ mười ngày chay cũng đủ điều kiện để xin thọ tâm pháp giải trần lao trong Kỳ Ba đại ân xá.

Chủ đề đạo pháp Đức Đạo Tổ đưa ra rất lớn: truyền cho môn sanh hãy học làm bậc thượng đức và thực hành tâm pháp để giải thoát trần lao (luân hồi sanh tử). Thế rồi Đức Đạo Tổ từ

từ dẫn dắt môn sanh thực hành bằng cách đưa về Ngũ Giới, thực thi Ngũ Đức (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín). Đây là bước đầu rất căn bản mà ai mới nhập môn cũng đều được chỉ dạy.

Như thế, con đường và pháp môn Đức Đạo Tổ ban cho trong thời pháp này đầu siêu việt, phi phàm nhưng vẫn không vượt khỏi khả năng của môn đệ chôn phàm trần. Đến đây chúng ta ắt nhớ lời Đức Lão Tử (Đạo Đức Kinh): *Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. 吾言甚易知, 甚易行.* (Lời ta rất dễ hiểu, rất dễ làm theo.)

Xin cầu nguyện cho tất cả môn sanh trong Tam Kỳ Phổ Độ này thành tựu được tâm huyết mà Đức Đạo Tổ từ bi ký thác.

*Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.*

## Thánh giáo Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam  
Tuất thời, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977)

(...)

### TIẾP ĐIỂN

Bản Sĩ chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.

### THI

**Quán** sát phù đồ vạn khổ tân,  
**Thế** gian dục xuất tảo trì thân,  
**Âm** thanh viễn vọng vô tha xứ,  
**Bồ Tát** hiện tiền độ chúng nhân.

Bản Sĩ hoan hỷ lâm đàn trong kỳ Vu Lan thắng hội để một đôi dòng đạo lý thực tiễn cứu cánh cho chư hiền sĩ, hiền muội đặng tường. Miễn lễ. Thịnh đồng an tọa.

Đạo lý nhiệm mầu, pháp môn vô tận. Đời là một trường học để vạn hữu tiến hóa trong định luật sinh tồn của Hóa Công. Người tu hành trước tiên phải nhận chân như thế để tự giác và ngộ nhập huyền môn giải thoát khỏi trần la tứ khổ.

Trên đường tu thân học đạo, hành giả phải chuyên nhứt tâm để tìm chánh pháp. Chánh pháp không ở ngoài thiên không vũ trụ mà ở ngay trong con người của hành giả. Khi ngộ nhập huyền môn tức thị chánh pháp khai thông để lìa khỏi tự ngã mới thấy tánh để thành Phật.

Cái tự ngã mà Bản sĩ muốn nói nơi đây là nguyên nhân của vòng đọa lạc. Bởi tự ngã nên không lìa được chấp ngã. Còn chấp ngã là còn mê vọng, tham, sân, si. Còn mê vọng, tham, sân, si là còn nhân quả chuyển luân không dứt. Vì thế nên người tu hành cần lưu tâm trước khi thọ Thiên đạo đại thừa để

giữ cho chính mình một sự sống thung dung tự tại, tự do.

Muốn sống cuộc sống tự tại, tự do, người tu hành phải chuyên luyện một tâm vô ngại. Những tiến hóa, khai sinh, tổ hợp, ly tán hay hoại diệt đều là vô nghĩa trước tâm vô ngại.

Tâm đã vô ngại, tất cả sự sự vật vật đều vô ngại. Bởi sinh mà biến, bởi diệt mà còn. Sinh diệt, biến hóa đều ở trong chu trình của tuần hoàn Thiên luật. Nếu tâm được vô ngại rồi, không biến, không hóa, không sinh, không diệt mà vẫn có tất cả.

(...)

Hè sang phải mặc áo mỏng, đông đến phải mặc ngự hàn. Xuân sinh trưởng thì thu phải thu liễm. Nắng dùng nón, mưa dùng toi, dùng dù. Không có ánh nắng nào không xê tà. Không có trận mưa nào không tạnh. Nếu chấp cái tự ngã, phải chịu trong cảnh nắng cháy mưa chan vô lý mà chính chơn tâm cũng đã bị ràng buộc trong nghiệp chấp.

Than ôi! Dòng thủy triều mệnh mông vẫn có ròng có lớn. Vàng trắng bạc chói lợi canh khuya cũng khi tròn khi khuyết. Người tu hành phải đem tâm vô ngại mà tu.

Tâm vô ngại ấy không phải phó mặc cho cuộc đời lôi kéo hay phó mặc cho định mạng vẫn xoay, mà tâm vô ngại là tâm minh linh quán xét, biết tất cả mà không biết, không để tâm bị vướng mắc bởi những hạt mưa rơi lạnh lùng thân xác, cũng không bị vướng mắc bởi ánh nắng cháy da. Vô ngại mà hoàn hảo vì những phương tiện không bắt buộc tâm phải ôm chầm lấy nó nên không cố định, cố danh vào một thời gian hay giai đoạn nào. Người tu hành sẽ được ung dung tiêu sái, sẽ được tự do, tự tại, độc lập nhi hành.

Chư hiền sĩ, hiền muội ôi! Còn xác thân huyết nhục là còn tình cảm lý trí, còn đối đãi trong cảnh giới nhị nguyên. Muốn tập rèn cho nên một chân hành giả, không phải một sớm một

chiều. Chỉ có bậc đại căn thượng trí đốn nhập vô ngã mới giải thoát được phiền trần cõi thế gian này.

(...)

## BÀI

*Đôi lời Bồ Tát dặn dò,  
Hồi chư sĩ muội ráng lo tu hành.  
Giữ lòng tịnh tịnh thanh thanh,  
Mặc trò diễn tiến lộn quanh thẳng trầm.  
Giữ còn đặng một cái tâm,  
Là tâm vô ngại khỏi làm bàng môn.  
Ngày xưa các bậc Thế Tôn,  
Sạch niêm trần tục, Phật môn gần kề.  
Ngày nay thức tỉnh giấc mê,  
Biết rằng phiền não, bỏ để không hai.  
Lặng lòng sẽ thấy Như Lai,  
Chơn không ló bóng Cao Đài bên trong.  
Biển đời khổ nạn muôn trùng,  
Đừng quên giữ một tâm trung vững vàng.  
Vì đời còn lắm tai nạn,  
Độ đời bỏ tất nguyện hoàn công phu.  
Đã tu thì phải ráng tu,  
Cho nên Tiên Phật vận trù Thiên cơ.  
Bên người Bồ Tát đợi chờ,  
Rũ lòng trần tục, một giờ độ an.*

(...)

Bần Sĩ ban ơn chung chư hiền sĩ, hiền muội trong mùa Vu Lan thắng hội được khai ngộ giác mê. Thăng.

## Một dòng bát nhã

Trong kho tàng kinh Phật truyền lại từ Nhị Kỳ Phổ Độ, có *Bát Nhã Tâm Kinh* là một bài kinh ngắn rất nổi tiếng, được dịch ra nhiều thứ tiếng. Riêng bản dịch chữ Hán (của Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang đời Đường, thế kỷ thứ Bảy) gồm hai trăm sáu mươi chữ, mở đầu như sau:

*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.*

觀自在菩薩行深般若波羅蜜多時。照見五蘊皆空。度一切苦厄。

Nghĩa là:

*Đức Bồ Tát Quán Tự Tại lúc thực hành thâm sâu bát nhã ba la mật, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ nạn.*

Trong *Bát Nhã Tâm Kinh* lại có câu này:

*Bồ đề tát đóa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại...*

菩提薩埵依般若波羅蜜多故。心無罣礙。

Nghĩa là:

*Đức Bồ Tát vì thế nương theo bát nhã ba la mật đa, tâm không chướng ngại...*

*Bồ Tát Quán Tự Tại* cũng là Bồ Tát Quán Thế Âm (*Avalokiteśvara*). *Tự tại* là tự do. *Tâm vô quái ngại* hay *tâm vô ngại* là tâm không bị chướng ngại, không bị cản trở.

Dòng tư tưởng bát nhã rất cô đọng của Phật Giáo Nhị Kỳ

Phổ Độ giờ đây lại được chính Đức Quán Thế Âm giảng giải bằng tiếng Việt trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thật vậy, thánh giáo của Đức Bồ Tát tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977) cho thấy ngoài dòng bát nhã xa xưa, hiện nay còn có một dòng bát nhã khác đang chảy trên quê hương Việt Nam trong Kỳ Ba cứu thế.

### 1. Thánh giáo

*“Bản Sĩ chào chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ.”*

#### Nghĩ vụng 1

Đức Quan Âm là một vị Bồ Tát 菩薩. Hai chữ Bồ Tát là nói tắt của *Bồ đề tát đóa* 菩提薩埵 (*Bodhisattva*), có nghĩa là *Đại Sĩ* 大士. Nhưng khi giảng cơ dạy đạo, Đức Bồ Tát thường xưng mình là *Bản Sĩ* 貧士. Đó là cách nói khiêm tốn, mà cũng ngụ ý Ngài là người nghèo vì không nắm giữ của cải, tài sản gì hết.

### 2. Thánh giáo

*Quán sát phù đồ vạn khổ tân,  
Thế gian dục xuất tảo trì thân,  
Âm thanh viễn vọng vô tha xứ,  
Bồ Tát hiện tiền độ chúng nhân.*

#### Nghĩ vụng 2

Bài thơ xưng danh này quán thủ (khoán thủ) là *Quán Thế Âm Bồ Tát*.

a. *Quán sát phù đồ vạn khổ tân*

*Quán* (quan) 觀: Xem xét.

*Đồ* là con đường. *Thế đồ* 世途 là đường đời.

*Phù* là trôi nổi. *Phù thế* 浮世 hay *phù sinh* 浮生 là cuộc đời trôi nổi. *Phù đồ* 浮途: Con đường trần gian bấp bênh, trôi nổi.<sup>(12)</sup>

*Khổ tâm* 苦辛: Đắng cay. *Vạn khổ tâm* 萬苦辛: Muôn vàn đắng cay.

*Quán sát phù đồ vạn khổ tâm* 觀察浮途萬苦辛: Xem xét đường đời bấp bênh, trôi nổi thì thấy vô vàn cay đắng.

**b. Thế gian dục xuất tảo trì thân**

*Thế gian* 世間: Cõi đời, cõi người.

*Dục* 欲: Mong muốn.

*Xuất* 出: Thoát ra.

*Tảo* 早: Sớm (trái nghĩa với chậm trễ, muộn màng).

*Trì* 持: Giữ lấy, nắm chặt lấy, không buông ra.

*Thân* 身: Thân mạng; kiếp sống.

*Thế gian dục xuất tảo trì thân* 世間欲出早持身: Muốn thoát khỏi thế gian muôn vàn cay đắng này thì con người hãy sớm biết giữ gìn mạng sống của mình, đừng bỏ phí nó.

Nếu muốn không bỏ phí uổng kiếp sống này, chỉ có một cách tốt nhất là lo tu hành mà thôi.

Có kiếp sống nào vinh sang hơn một thái tử sẽ lên ngôi vua? Thế nhưng kiếp sống đó cũng không quý bằng chữ tu, cho nên thái tử Cồ Đàm (*Gautama*) dù đang tuổi thanh xuân, dù ngai vàng sẵn dành, ngài đã sớm lìa bỏ hoàng cung để xuất gia và tu thành Phật.

**c. Âm thanh viễn vọng vô tha xứ**

<sup>(12)</sup> Phân biệt với từ *Phù đồ* 浮屠, do từ Phật Đà 佛陀 (*Buddha*) dịch âm trại ra, nghĩa là Phật. Về sau, chùa Phật cũng được gọi là *phù đồ*.

*Âm thanh* 音聲: Âm thanh (ý nói tiếng kêu than của chúng sinh đau khổ).

*Viễn vọng* 遠望: Trông xa.

*Tha xứ* 他處: Chỗ khác, nơi khác.

*Vô tha xứ* 無他處: Chẳng phải ở chỗ nào khác mà là ngay tại chỗ này.

*Âm thanh viễn vọng vô tha xứ* 音聲遠望無他處: Nghe tiếng kêu khổ của chúng sinh, ngóng trông xa thì thấy là ngay tại trần gian này chứ chẳng phải chỗ nào khác hơn. (Câu này nhắc lại ý câu đầu, rằng trần gian là nơi có muôn vàn cay đắng.)

**d. Bồ Tát hiện tiền độ chúng nhân**

*Bồ Tát* 菩薩: Nói đầy đủ là *Bồ đề tát đóa* 菩提薩埵 (*Bodhisattva*), dịch nghĩa là *Đại Sĩ* 大士. Bồ Tát là đáng tui đã đắc quả Phật nhưng lập đại nguyện không nhập niết bàn vì còn vào đời cứu độ chúng sinh đang trầm luân, chưa giác ngộ. Để cứu đời, Bồ Tát sẵn sàng nhận lãnh tất cả mọi đau khổ của chúng sinh.

Khi hiểu rằng Bồ Tát có ý nghĩa như thế, chúng ta mới dễ lãnh hội thêm vì sao Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng chúa tể cai quản càn khôn vũ trụ này nhưng khi xuống thế gian cứu độ loài người lần thứ ba lại xưng mình là Bồ Tát.

Tuy nhiên trong chúng sinh có người chưa hiểu lẽ sâu kín ấy nên ngộ nhận. Vì thế, buổi đầu mở đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn từng dạy:

“*Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình độ rồi hơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào. Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho*

*Thầy là nhỏ. Cười...*”<sup>(13)</sup>

Như đã nói, để cứu đời Bồ Tát sẵn sàng nhận lãnh tất cả mọi đau khổ của chúng sinh. Bởi thế, khi mở đạo Kỳ Ba thì Đức Bồ Tát Cao Đài đã hội Công Đồng Tam Giáo tại Thiên Đình lập tờ đoan thệ rằng nếu Đạo không thành thì Ngọc Đế nguyện không trở về ngôi vị cũ.

*“Nên hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thệ, đem Đạo màu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh.*

*Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.”*<sup>(14)</sup>

Trở lại với câu thơ thứ ba:

*Hiện tiền* 現前: Hiện tại, trước mắt.

*Độ* 渡: Cứu giúp; đưa qua sông. Thánh giáo dạy cuộc đời là sông mê, là bể khổ. Đạo lý hay giáo pháp là chiếc bè, là con thuyền chở người đời từ bờ mê sang bến giác. Chính vì hình ảnh đưa người sang sông mà thánh giáo hay dùng những chữ *độ*, *tế độ*.

*Chúng nhân* 眾人: Mọi người. Tôn giáo mở ra, các Đấng thiêng liêng xuống trần dạy đạo không phải nhằm cứu độ riêng một ai, mà nhắm tới tất cả mọi người. Chính vì thế mà thánh giáo hay nói tới *phổ độ*, *phổ tế*. Chữ *tế* 濟 cũng đồng nghĩa với chữ *độ* 渡, là chở qua sông, đưa sang sông. Cả hai đều có bộ *thủy* 氵 vì liên quan tới sông nước.<sup>(15)</sup>

<sup>(13)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 05-8 Bính Dần (11-9-1926).

<sup>(14)</sup> *Đại Thừa Chơn Giáo*, đàn ngày 25-9 Bính Tý (1936), bài “*Chi Ý Thuyết Minh*”.

<sup>(15)</sup> Chữ *độ* trong *phổ độ* 普度 thường khi lại viết không có bộ thủy. Nhưng cả hai cách viết đều được chấp nhận. Thí dụ, *Perdue University* (ở Mỹ) được người Hoa dịch âm, viết là 普渡大學 *Phổ*

*Bồ Tát hiện tiền độ chúng nhân* 菩薩現前渡眾人: Bồ Tát đang có trước mắt để cứu độ mọi người.

Vì đại nguyện ở lẫn lộn trong đời để cứu độ người đời nên Bồ Tát đang có trước mắt mọi người. Tuy nhiên, con người phạm phu mắt thịt không thể nhìn thấy hình ảnh Bồ Tát hiện ra trong tà áo trắng, tay cầm bình tịnh thủy với nhánh dương liễu giống như các tranh, các tượng thường miêu tả. Vậy nên hiểu câu thơ này thế nào?

Xin thưa, chúng ta có duyên lành sẽ được Bồ Tát dắt đi. Khi ấy chúng ta gặp một hoàn cảnh, gặp một sự việc, gặp một người nào đó do Bồ Tát gọi đến giúp chúng ta, trao cho chúng ta một thông điệp, một lời nhắn gửi để ta thức tỉnh bước vào đường tu. Bấy giờ ai có tai sẽ nghe, ai có căn tu sẽ sớm ý thức nhận lãnh. Trái lại, họ sẽ để lỡ mất một cơ hội mà Bồ Tát trao cho.

Lãnh hội được lý lẽ sâu kín như thế, chúng ta hiểu thêm vì sao trong bài kinh cúng Đức Mẹ Diêu Trì có hai câu:

*Cho người hôm sớm thăm lom,*

*Cho người dạy dỗ mai hôm kịp kỳ.*

Nghĩa là Đức Mẹ Diêu Trì không hiện ra cho các con nhìn thấy Mẹ bằng xương bằng thịt, mà Mẹ gọi đến chúng ta một người nào đó bất kỳ để trợ duyên cho chúng ta tu.

Tóm lại, khi giảng cơ xưng danh qua bài thơ bốn câu như dẫn trên, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát liền xác định cho chúng ta nhớ rằng cõi đời là khổ, được làm người thì phải sớm biết trân trọng giữ gìn mạng sống này mà tu hành để thoát khổ. Lúc nào cũng có Bồ Tát ở trong đời, ở bên cạnh người đau khổ mà cứu vớt.

### 3. Thánh giáo

“*Bản Sĩ hoan hỷ lâm đàn trong kỳ Vu Lan thắng hội* <sup>(16)</sup> để một đôi dòng đạo lý thực tiễn cứu cánh cho chư hiền sĩ, hiền muội đặng tường.”

#### Nghĩ vụng 3

Đây là Đức Bồ Tát xác định mục đích giảng cơ dạy đạo. Ngài cốt ý “*để một đôi dòng đạo lý thực tiễn cứu cánh*” cho chúng ta hiểu rõ, hiểu tường tận mà tu.

Ồn Trên không thừa lời. Mỗi chữ nói ra đều là nghĩa lý thiết yếu. Trong câu thánh giáo của Đức Bồ Tát có bốn chữ Ngài nhấn nhủ chúng ta hãy để tâm ghi nhớ. Đó là “*thực tiễn cứu cánh*”.

*Thực tiễn* 實踐: Không viễn vông xa vời, không lý thuyết, có thể thực hành được, áp dụng được.

*Cứu cánh* 究竟: Người Trung Quốc dùng hai chữ *cứu cánh* để dịch nghĩa chữ *ba la mật đa* 波羅蜜多 (*paramita*). Vậy cứu cánh tức là *đáo bỉ ngạn* 到彼岸 (sang bờ bên kia, qua bờ giác). Nói khác đi, hai chữ cứu cánh còn có nghĩa là giải thoát luân hồi sanh tử.

Thế thì bốn chữ “*thực tiễn cứu cánh*” của Đức Bồ Tát mang ý nghĩa rằng lời dạy của Ngài không viễn vông, không lý thuyết. Chúng ta có thể áp dụng được, thi hành được lời Ngài dạy để chúng ta thoát khỏi luân hồi sanh tử.

### 4. Thánh giáo

“*Đạo lý nhiệm mầu, pháp môn vô tận. Đời là trường học để vạn hữu tiến hóa trong định luật sinh tồn của Hóa Công.*”

<sup>(16)</sup> *Thắng hội* 勝會: Lễ hội vượt trội hơn hẳn các lễ hội khác.

### Nghĩ vụng 4

Ngày mới mở đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy:

“*Thầy hằng nói cùng các con rằng một trường thi công quả. Các con muốn đến đặng nơi cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi.*” <sup>(17)</sup>

*Cửa này* tức là trần gian, là cuộc đời chúng ta đang sống.

Năm mươi một năm sau, Đức Bồ Tát nhắc lại thánh ý trên đây của Đức Chí Tôn, dạy rằng đời là trường học cho con người và vạn vật tiến hóa. Vậy thì kiếp sống ở thế gian này không phải để chúng ta rong chơi, hưởng thụ. Con người phải lợi dụng kiếp người hiếm có để lo tu, vì chỉ có tu mới tiến hóa lên hàng Thần Thánh, Tiên Phật.

Bởi hiểu mạng sống này là phương tiện tu luyện tại thế gian ngỗ hầu có thể tiến hóa lên hàng Thần Thánh, Tiên Phật cho nên các bậc chơn tu những khi gặp khảo đảo, thử thách, thậm chí bị hàm oan đến nỗi nhục nhã cả thân danh, cõi lòng đờn đau tan nát... thì các vị đều nhẫn nại chịu đựng. Không một ai dám tự hủy hoại mạng sống. Sự tích nàng Thị Kính bị Thị Mầu vu oan giá họa nơi cửa thiền là một điển hình kim cổ minh chứng cho điều này.

Đến đây chúng ta đọc lại bài thơ xưng danh của Đức Bồ Tát và càng thêm thâm thúy ý nghĩa của câu: “*Thế gian dục xuất tảo trì thân*” (Muốn thoát khỏi thế gian đau khổ hãy sớm giữ gìn mạng sống của mình, đừng bỏ phí nó.)

### 5. Thánh giáo

“*Người tu hành trước tiên phải nhận chân như thế để tự giác và ngộ nhập huyền môn giải thoát khỏi trần la tứ khổ.*”

<sup>(17)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 04-8-1926.

### Nghĩ vụng 5

*Trần la* 塵羅: Lưới trần. Trần gian có rất nhiều thứ ràng buộc con người, làm cho con người bị mất tự do, vì thế ví cõi trần này như tấm lưới.

Bốn chữ *trần la tứ khổ* 塵羅四苦 tức là *sanh, lão, bệnh, tử* vây hãm con người trong tấm lưới trần gian. Không ai có thể vùng vẫy mà thoát ra được. Muốn thoát ra, chỉ có một con đường duy nhất là *ngộ nhập huyền môn* 悟入玄門.

*Huyền môn* 玄門: Cánh cửa huyền diệu, tức là nơi học tu thiền, tịnh luyện (công phu).

Muốn bước vào cánh cửa huyền môn con người phải tỉnh ngộ, vì thế Đức Bồ Tát dạy là *ngộ nhập huyền môn*.

*Nhập* là vào được, *ngộ* là tỉnh ngộ. Do phải *ngộ* rồi thì sau mới có *nhập* nên trước đó Đức Bồ Tát dạy rằng “*Người tu hành trước tiên phải nhận chân như thế để tự giác*”. Nhận chân để tự giác chính là nhìn thấy chân tướng, bản chất huyền hoặc của cuộc đời và chính mình hiểu biết (tự giác).

Con người vốn nhiều ham muốn nên không dễ gì nhìn thấy chân tướng, bản chất huyền hoặc của cuộc đời. Vì thế các Đấng Phật Tiên, Bồ Tát phải bắt đầu bằng *khai thị* 開示.

Mở trí sáng suốt cho con người là *khai*, dạy bảo con người là *thị*.

Từ năm Bính Dần (1926) đến nay, thánh ngôn, thánh giáo hằng hà sa số ngôn từ, muôn vạn lời lẽ cứ nhắc đi nhắc lại chính là để *khai thị* cho con người hiểu đạo lý rồi tiến tới thêm bước nữa là *ngộ nhập*.

Nói khác đi, phương pháp giáo hóa của các Đấng thiêng liêng bao giờ cũng gồm bốn bước, bốn giai đoạn là *khai thị ngộ nhập* 開示悟入.

### 6. Thánh giáo

“*Trên đường tu thân học đạo, hành giả phải chuyên nhất tâm để tìm chánh pháp.*”

### Nghĩ vụng 6

Theo dõi trình tự thánh giáo, chúng ta thấy thoát đầu Đức Bồ Tát nói tới con người đại chúng (*chúng nhân*).

Kể đó Ngài thu hẹp lại còn một đối tượng là *người tu*.

Đến khi Bồ Tát nói tới *ngộ nhập huyền môn*, thì chúng ta hiểu rằng Ngài tiếp tục thu hẹp đối tượng người tu lại còn một thành phần chọn lọc hơn là *hành giả*, tức là người tu thiền (công phu), tu theo huyền môn.



Chúng ta thấy chữ nghĩa Đức Bồ Tát dùng rất minh bạch và chính xác. Chữ nào nói trước, chữ nào nói sau, tất cả đều có ý nghĩa và tầm quan trọng của chính nó.

Hành giả tìm chánh pháp ở đâu? Đức Bồ Tát trả lời như sau:

### 7. Thánh giáo

“*Chánh pháp không ở ngoài thiên không vũ trụ mà ở ngay trong con người của hành giả.*”

### Nghĩ vụng 7

*Thiên không* 天空: Bầu trời.

Chánh pháp không có ở bên ngoài con người, không có ở



vũ trụ ngoại giới. Thế nên nếu chỉ biết nhìn ra, chỉ biết hướng ngoại thì ắt không tìm thấy chánh pháp.

Chánh pháp ở ngay bên trong thân người của chúng ta. Thế nên muốn thấy chánh pháp thì phải hướng nội, phải nhìn vào trong. Do đó hành giả tu thiền phải khép mắt lại, phải yên tĩnh lặng lẽ với hơi thở nhẹ nhàng. Hiểu như thế, chúng ta lãnh hội vì sao huyền môn cũng gọi là *nội giáo*, và tu thiền cũng gọi là *nội tu* (*inward cultivation*).

## 8. Thánh giáo

“*Khi ngộ nhập huyền môn tức thị chánh pháp khai thông để lìa khỏi tự ngã mới thấy tánh để thành Phật.*”

### Nghĩ vụng 8

Từ ngàn xưa tới nay, kinh sách luôn dạy *kiến tánh thành Phật* 見性成佛. Muốn thành Phật thì phải thấy được tánh.

Nhưng làm sao thấy được tánh của mình?

Đức Bồ Tát dạy rằng muốn thấy được tánh thì cần phải “*lìa khỏi tự ngã*”. Tự ngã là chi?

*Tự ngã* 自我: Cái tôi (*the self, ego*), tiếng Sanskrit gọi là *atman*.

Đọc ngược câu thánh giáo của Đức Bồ Tát, chúng ta thấy:

- Không thể thành Phật nếu chưa thấy tánh, và
- Không thể thấy tánh nếu vẫn còn tự ngã.

Vậy tự ngã là một chướng ngại nguy hiểm của hành giả. Tại sao tự ngã nguy hiểm? và nguy hiểm thế nào? Đức Bồ Tát giảng dạy cặn kẽ như sau:

## 9. Thánh giáo

“*Cái tự ngã mà Bản Sĩ muốn nói nơi đây là nguyên nhân của vòng đọa lạc. Bởi tự ngã nên không lìa được chấp ngã.*”

*Còn chấp ngã là còn mê vọng, tham, sân, si. Còn mê vọng, tham, sân, si là còn nhân quả chuyển luân không dứt.*”

### Nghĩ vụng 9

*Đọa lạc* 墮落: Roi rụng. Hiểu về tinh thần nghĩa là rơi vào cảnh khổ, sa vào cảnh đày đọa, tội lỗi. Hiểu về tâm linh tức là phải vào địa ngục trả quả tội lỗi.

*Chấp ngã* 執我: Khư khư ôm giữ cái tôi của mình.

*Mê vọng* 迷妄: Mê là sai lầm mà vọng cũng là sai lầm.

Một lần nữa, chúng ta thử đọc ngược lời dạy của Đức Bồ Tát thì sẽ dễ lãnh hội ý chỉ của Ngài:

- Muốn giải thoát khỏi luân hồi nhân quả nối tiếp nhau không dứt thì phải hết mê vọng, tham, sân, si.

- Muốn hết mê vọng, tham, sân, si thì phải hết chấp ngã, phải buông xả cái tôi của mình.

- Muốn hết chấp ngã thì phải lìa bỏ được tự ngã.

- Hễ bỏ được tự ngã thì chấm dứt nguyên nhân sanh ra vòng luân hồi đọa lạc và thấy tánh thành Phật.

Nói tóm lại, trên con đường tu hành để thành chánh quả (tức thành Phật, đắc đạo), tự ngã chính là rào cản bít lối lưu thông.

## 10. Thánh giáo

“*Vì thế nên người tu hành cần lưu tâm trước khi thọ Thiên đạo đại thừa để giữ cho chính mình một sự sống thung dung, tự tại, tự do.*”

### Nghĩ vụng 10

Trong câu này Đức Bồ Tát không nói tới *hành giả* mà chỉ nói là *người tu hành*. Vì sao vậy? Bởi vì lúc này người tu chưa thọ lãnh pháp môn thiên đạo đại thừa, chưa bước vào huyền

môn, chưa tu thiền, cho nên chưa phải là *hành giả*.

Thế thì điều mà Đức Bồ Tát bảo “*cần lưu tâm*” ở đây là nhắm tới đông đảo người tu, những vị đã tỉnh thức, đã tự giác chứ không phải chỉ nói riêng cho tịnh sĩ hay hành giả huyền môn. Nói cách khác, phạm vi đối tượng được Ngài giáo huấn rất rộng.

Theo đó, Đức Bồ Tát khuyên người tu hành cần lưu tâm cái gì?

Rõ ràng Ngài muốn chúng ta lưu tâm đến tầm mức nguy hiểm của tự ngã. Khi lìa bỏ được tự ngã thì chúng ta giữ được “*cho chính mình một sự sống thung dung, tự tại, tự do*”.

Nói đến *tự tại* chúng ta liền nhớ rằng Đức Quan Âm Bồ Tát cũng là Quán Tự Tại Bồ Tát 觀自在菩薩. Do đó, nên hiểu rõ ý nghĩa hai chữ *tự tại* 自在.

- Hiểu theo nghĩa thông thường, về mặt hành động, tự tại là có thể tùy ý làm bất kỳ điều gì bằng tự do ý chí của mình. Người Mỹ dịch *tự tại* là “*able to do anything of one's own free will*”.

- Về mặt tâm hồn, tự tại nghĩa là thoải mái, vui tươi, thanh thoi, không ưu tư, không lo lắng. Người Mỹ dịch *tự tại* là “*comfortable, pleasant, carefree, without the least worry*”.

- Hiểu theo nghĩa đạo pháp, tự tại là không còn bị những hư huyền, mộng ảo đánh lừa. Người Mỹ dịch *tự tại* là “*free of delusion*”.

Khi xét kỹ ý nghĩa hai chữ *tự tại* ở cả ba góc độ như thế, chúng ta thấy tự tại đã bao hàm *tự do* và *thung dung*. Thánh giáo Đức Bồ Tát nói luôn một mạch rằng “*giữ cho chính mình một sự sống thung dung, tự tại, tự do*” là để nhấn mạnh, để giúp chúng ta đừng sơ ý bỏ sót chỗ cực kỳ hệ trọng ấy.

Giờ đây câu hỏi kế tiếp của chúng ta là “*Làm sao để được tự tại, tự do?*”

Tất cả những giải thích vừa rồi chúng ta cùng trao đổi thì hầu như ai cũng có thể hiểu. Nhưng hiểu chỉ mới là nhận thức, là lý thuyết, là lời nói suông. Để biến cái lý thuyết suông ấy thành cái rất thật, rất cụ thể với mình thì phải hành động, mà không thể hành động chơi chơi theo kiểu tài tử, được chăng hay chớ.

Thật thế, chúng ta nhớ, mở đầu Bát Nhã Tâm Kinh là câu này: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời...*”

*Hành thâm* 行深 là gì? Hành là thực hành. Thâm là thâm sâu, là cho tới nơi tới chốn, không nửa vời.

Suy ra, phải hành thâm mới đạt tới chỗ tự tại.

Trong Nhị Kỳ Phổ Độ ngày xưa thì Tâm Kinh nói *hành thâm*. Ngày nay trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Bồ Tát thay vì nói *hành thâm* thì lại ban cho chúng ta hai chữ *chuyên luyện*. Thật vậy, Đức Bồ Tát dạy:

## 11. Thánh giáo

“*Muốn sống cuộc sống tự tại, tự do người tu hành phải chuyên luyện một tâm vô ngại. Những tiến hóa, khai sinh, tổ hợp, ly tán hay hoại diệt đều là vô nghĩa trước tâm vô ngại.*”

### Nghĩ vụng 11

Chúng ta thấy sự dẫn dắt của Đức Bồ Tát rất rõ ràng.

Nhưng chúng ta cứ mạnh dạn hỏi: Kính thưa Bồ Tát, đệ tử chúng con nên chuyên luyện cái gì để được tự tại?

Bồ Tát đáp: “*Phải chuyên luyện một tâm vô ngại.*”

Ba chữ *tâm vô ngại* này lập tức dẫn chúng ta trở về với Bát Nhã Tâm Kinh, và ta liền nhớ tới câu: “*Bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại...* 菩提薩埵依般若波羅蜜多故, 心無罣礙...

Tâm vô quái ngại nói tắt là tâm vô ngại. *Vô ngại* 無碍 nghĩa không bị cản trở, không bị chướng ngại. Người Mỹ dịch *vô ngại* là “without hindrance, without obstruction”.

## 12. Thánh giáo

“*Tâm đã vô ngại, tất cả sự vật vật đều vô ngại. Bởi sinh mà biến, bởi diệt mà còn. Sinh diệt, biến hóa đều ở trong chu trình của tuần hoàn Thiên luật. Nếu tâm được vô ngại rồi, không biến không hóa, không sinh không diệt mà vẫn có tất cả.*”

### Nghĩ vụng 12

Nghĩa lý lời dạy này rất rõ: Nếu chúng ta nhìn hiện tượng, sự vật thế gian như từng đơn vị biệt lập thì ta thấy có đối lập, đối đãi và ta sinh lòng thương ghét, chọn đây mà bỏ kia. Đó là tâm quái ngại, là lòng chướng ngại.

Tại sao tâm không được vô ngại? Tại sao tâm bị chướng ngại?

Tâm chúng ta bị chướng ngại vì chúng ta nhìn mọi sự theo óc nhị nguyên (*dualism*). Do đó chúng ta có thói quen lúc nào cũng nhìn thấy mọi sự theo hai mặt đối lập như tốt xấu, sướng khổ, may rủi, hơn thua, còn mất, v.v... Chính thế gian chúng ta đang sống đã tạo cho ta cái nhìn đó và tạo cho ta cách sống là chọn lựa cái này mà buông bỏ cái kia.

## 13. Thánh giáo

“*Hè sang phải mặc áo mỏng, đông đến phải mặc ngự hàn. Xuân sinh trưởng thì thu phải thu hoạch. Nắng dùng nón, mưa dùng toi, dùng dù. Không có ánh nắng nào không xế tà. Không có trận mưa nào không tạnh. Nếu chấp cái tự ngã, phải chịu trong cảnh nắng cháy mưa chan vô lý mà chính chơn tâm cũng đã bị ràng buộc trong nghiệp chấp.*”

## Nghĩ vụng 13

Khi lòng người còn ghét mùa hè nóng bức, chê mùa đông rét buốt để mà ưa mùa xuân ấm áp, mà thích mùa thu mát mẻ thì bấy giờ tâm còn chướng ngại.

Trái lại, khi nhận chân rằng xuân hạ thu đông là lẽ tuần hoàn tự nhiên của thiên nhiên, thì thay vì ưa chuộng mùa này và ghét bỏ mùa kia, con người sẽ biết thích ứng, vui sống với cả bốn mùa. Mùa nào thì thức đó.

Nhà thơ Nguyễn Bình Khiêm (1491-1858) là người đạt đạo. Ông biết tìm cái thú sống vui trong từng mùa mà Tạo Hóa ban cho:

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,  
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

Nguyễn Bình Khiêm không nhìn bốn mùa bằng con mắt phân biệt nhị nguyên đối đãi. Cái nhìn của ông là cái nhìn vô sai biệt, cũng là cái nhìn bất nhị của Bát Nhã Tâm Kinh. Bất nhị là chi?

*Bất nhị* 不二 tức là không hai, không hai nhưng vẫn chẳng là một. Với cái nhìn bất nhị, Bát Nhã Tâm Kinh có câu rằng: “*thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm...*” 是諸法空相, 不生不滅, 不垢不淨, 不增不減... (Vậ các pháp ấy không có hình tướng, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt...) Đó là cái nhìn bất nhị ở Bát Nhã Tâm Kinh của Nhị Kỳ Phổ Độ ngày xưa.

## 14. Thánh giáo

“*Than ôi! Dòng thủy triều mênh mông vẫn có rồng có lớn. Vàng trắng bạc chói lợi canh khuya cũng khi tròn khi khuyết. Người tu hành phải đem tâm vô ngại mà tu.*”

### Nghĩ vụng 14

Nước ròng rồi lớn, hết lớn lại ròng. Trăng tròn rồi khuyết, hết khuyết lại tròn. Khi nhìn với con mắt bất nhị, chúng ta thấy tất cả hiện tượng, sự vật trên thế gian tuy đối lập, đối đãi nhưng đều không phải là hai, vì chúng cùng ở trong một đại cuộc tuần hoàn của vũ trụ. Nhờ cái nhìn bất nhị, ta đạt được cái tâm vô ngại, và Đức Bồ Tát dạy ta hãy lấy tâm vô ngại ấy mà tu.

Nói tới đây, biết đâu có người sẽ cả gan ngụy biện rằng với cái tâm vô ngại và với cái nhìn bất nhị thì thiện cũng là ác, mà ác cũng là thiện. Thế thì ai đó có thể tùy thích làm xằng làm quấy, chẳng hề có tội lỗi chi hết. Nếu ngụy biện như thế thì đạo lý ắt đảo điên, luân thường đành bại hoại!

Với lòng từ bi, Đức Bồ Tát đã phá bỏ tà kiến của kẻ ngụy biện. Ngài dạy rõ:

### 15. Thánh giáo

*“Tâm vô ngại ấy không phải phó mặc cho cuộc đời lôi kéo hay phó mặc cho định mạng vùn xoay, mà tâm vô ngại là tâm minh linh quán xét, biết tất cả mà không biết, không để tâm bị vướng mắc bởi những hạt mưa rơi lạnh lùng thân xác, cũng không bị vướng mắc bởi ánh nắng cháy da.”*

### Nghĩ vụng 15

Như thế, tâm vô ngại không có nghĩa là bất phân phải trái. Ngược lại, đó là *“tâm minh linh quán xét”*.

*Minh* 明 là sáng suốt, khôn ngoan (*wise*); *linh* 靈 là nhạy bén (*quick*), tinh táo (*alert*), hiệu nghiệm (*effective*). Lấy tâm minh linh mà quán xét thì có thể mau chóng phân biệt được ngay đâu là chánh là tà, đâu là chân là ngụy, đâu là thật là hư. Có như vậy người tu nói chung hay hành giả nói riêng mới đủ sức thoát ra khỏi những cạm bẫy lừa dối, gạt gẫm tinh vi.

Trên đây (đoạn 14), Đức Bồ Tát dạy rằng *“Người tu hành phải đem tâm vô ngại mà tu.”* Rồi Ngài miêu tả cái diệu dụng của vô ngại như sau:

### 16. Thánh giáo

*“Vô ngại mà hoàn hảo vì những phương tiện không bắt buộc tâm phải ôm chầm lấy nó nên không cố định, cố danh vào một thời gian hay giai đoạn nào. Người tu hành sẽ được ung dung tiêu sái, sẽ được tự do, tự tại, độc lập nhi hành.”*

### Nghĩ vụng 16

*Tiêu sái* 消灑: Thoải mái, không vướng bận.

*Độc lập nhi hành* 獨立而行: Làm việc gì cũng không bị lệ thuộc, được tự do hành xử.

*“Người tu hành sẽ được ung dung tiêu sái, sẽ được tự do, tự tại, độc lập nhi hành.”* Đức Bồ Tát nói nghe dễ dàng quá, nhưng chúng ta hạ thủ công phu để đạt được kết quả ấy thì chẳng hề dễ chút nào!

Lý do thật đơn giản: Bởi lẽ chúng ta đang sống trong thế giới nhị nguyên, đang chịu sự chi phối của thế gian đối đãi mà nay phải tập nhìn bằng cái nhìn bất nhị để có được tâm vô ngại thì quả nhiên rất khó, quá khó. Do quá khó cho nên Đức Bồ Tát dạy chúng ta phải chuyên luyện mới mong có được tâm vô ngại.

Thông cảm với nhược điểm của con người thế gian, Đức Bồ Tát từ bi để lời an ủi mà cũng là nhắc nhở:

### 17. Thánh giáo

*“Chư hiền sĩ, đệ muội ôi! Còn xác thân huyết nhục, là còn tình cảm lý trí, còn đối đãi trong cảnh giới nhị nguyên. Muốn tập rèn cho nên một chân hành giả, không phải một sớm một chiều.”*

### Nghĩ vụng 17

Chúng ta thấy, giờ đây Đức Bồ Tát không chỉ nói tới hành giả chung chung. Ngài xác định là một *chân hành giả*, tức là một hành giả đích thực. Tức là phải chuyên luyện, phải hành thâm, phải tu ròng rã và ráo riết.

Ngày xưa Thiên Sư Linh Vân Chí Cẩn 靈雲志勤 cũng thế. Cái tên *Chí Cẩn* đủ nói lên quá trình ròng rã chuyên luyện, tu tập ráo riết của ngài. Thật vậy, ngài đã làm một hành giả (mà ngài ví von là làm kiếm khách) siêng năng mài thanh huệ kiếm (tức là công phu thiền định) suốt ba mươi năm đặng đặng mới được chứng ngộ. Lúc chứng đạo rồi Thiên Sư Linh Vân Chí Cẩn không khỏi cảm khái:

三十年來尋劍客 / 幾回落葉又抽枝 ...

Tam thập niên lai tìm kiếm khách,  
Kỷ hồi lạc diệp hựu trừu chi...

Có người dịch:

Ba chục năm qua tìm kiếm khách,  
Bao phen lá rụng với cành trơ...

Thật vậy! Chúng ta có thể nói rành rọt, thao thao bất tuyệt tất cả các lý thuyết về lìa bỏ tự ngã, buông xả chấp ngã, chuyên luyện tâm vô ngại. Nhưng tất cả những điều đó vẫn chỉ là cửa miệng, là đầu môi chót lưỡi mà thôi.

Cũng giống như chúng ta học nấu ăn mà chỉ cầm cuốn sách dạy nấu ăn và học thuộc lòng các công thức nấu nướng. Dầu có thuộc lòng và đọc vanh vách hết cuốn sách thì cũng không thể nào trở nên một tay đầu bếp tài ba.

Trái lại chúng ta phải thực sự đứng bếp, phải chịu muốt mồ hôi bên lò lửa, phải chịu những thất bại bao lần với thức ăn sống sít, nhão khét, mặn lạt, phải vất vả cùng nồi niêu soong chảo, dao thớt thì mới mong một ngày đẹp trời nào đó ta trở

thành đầu bếp giỏi.

Bởi cái lý lẽ đơn giản đó mà Đức Bồ Tát ân cần nhắc nhở: “*Muốn tập rèn cho nên một chân hành giả, không phải một sớm một chiều.*”

Trước khi từ giã chúng ta, trước khi kết thúc một thời pháp thẩm đẫm tư tưởng bát nhã tâm kinh, Đức Bồ Tát ban cho bài thơ lục bát như sau:

### 18. Thánh giáo

Đôi lời Bồ Tát dặn dò,  
Hồi chư sĩ muội ráng lo tu hành.  
Giữ lòng tịnh tịnh thanh thanh,  
Mặc trò diễn tiến lộn quanh thẳng trâm.  
Giữ còn đặng một cái tâm,  
Là tâm vô ngại khỏi làm bàng môn.  
Ngày xưa các bậc thế tôn,  
Sạch niêm trần tục, Phật môn gần kề.  
Ngày nay thức tỉnh giấc mê,  
Biết rằng phiền não, bồ đề không hai.  
Lặng lòng sẽ thấy Như Lai,  
Chơn không ló bóng Cao Đài bên trong.  
Biển đời khổ nạn muôn trùng,  
Đừng quên giữ một tâm trung vững vàng.  
Vì đời còn lắm tai nạn,  
Độ đời bồ tát nguyện hoàn công phu.  
Đã tu thì phải ráng tu,  
Cho nên Tiên Phật vấn trụ Thiên cơ.  
Bên người Bồ Tát đợi chờ,  
Rũ lòng trần tục, một giờ độ an.

### Nghĩ vụng 18

Bài thơ trước khi từ giã chúng ta quả là chứa chan tình thương yêu nhắn nhủ của Đức Bồ Tát.

Chúng ta dẫu sống già đầu ở trần gian mà rốt lại tánh tình vẫn chỉ là đứa trẻ con khờ dại, cho nên các Đấng thiêng liêng cứ phải dạy tới dạy lui, nhắc trước nhắc sau. Đức Chí Tôn há chẳng từng xót xa cho chúng ta đấy sao:

*Lập một nước dễ hơn truyền giáo,  
Truyền dạy người đắc đạo khó thay!  
Biết bao kèm sửa đêm ngày,  
Làm nên Tiên Phật rất dày công phu.<sup>(18)</sup>*

Đức Bồ Tát đã cảnh giác chúng ta rằng “*Muốn tập rèn cho nên một chân hành giả, không phải một sớm một chiều.*” Nhưng bản tánh con người vốn hay dễ duôi, mau quên, thế nên mở đầu bài thơ từ giã thì Đức Bồ Tát nhắc lại liền:

*Đôi lời Bồ Tát dặn dò,  
Hồi chư sĩ muội ráng lo tu hành.*

Nhắc một lần như thế vẫn cứ là chưa đủ, thế nên khi sắp kết thúc bài thơ Đức Bồ Tát từ bi lại ân cần nhắc nhở thêm lần nữa, không sợ thừa lời:

*Đã tu thì phải ráng tu,  
Cho nên Tiên Phật vận trù Thiên cơ.*

Nếu ở đâu đó có kinh sách bảo rằng Bồ Tát thương chúng sanh còn hơn mẹ hiền thương con khờ con dại thì chúng taắt phải tin là đúng. Bằng chứng chính là cách mà ta vừa thấy Đức Bồ Tát nhắc nhở, dạy dỗ chúng ta, không tiếc lời lặp đi lặp lại.

Bài thơ trước khi từ giã của Đức Bồ Tát có thể xem như

<sup>(18)</sup> *Đại Thừa Chơn Giáo*, dàn ngày 04-9 Bính Tý (1936), bài “*Kiên Nhẫn – Hạnh Người Tu*”.

tóm tắt những ý chỉ trọng yếu mà Ngài đã giảng dạy bằng văn xuôi.

Cách dùng văn vần để lặp lại phần dạy bằng văn xuôi trong đạo Cao Đài ngày nay chính là thể loại *trùng tụng*, *ứng tụng*, hay *kỳ dạ kinh* (*geya*) của Đức Phật Thích Ca thời xưa (Nhị Kỳ Phổ Độ).<sup>(19)</sup>

Trong phương pháp dạy học ngày nay, các nhà sư phạm gọi đây là củng cố bài học (*consolidation*).

Hiểu như vậy chúng ta không ngạc nhiên khi thấy Đức Bồ Tát lúc đầu đã dạy:

“*Bởi sinh mà biến, bởi diệt mà còn. Sinh diệt, biến hóa đều ở trong chu trình của tuần hoàn Thiên luật. Nếu tâm được vô ngại rồi, không biến không hóa, không sinh không diệt mà vẫn có tất cả.*”

Thì lúc trùng tụng Ngài nhắc lại ý đó như sau:

*Giữ lòng tịnh tịnh thanh thanh,  
Mặc trò diễn tiến lộn quanh thẳng trâm.  
Giữ còn đặng một cái tâm,  
Là tâm vô ngại khỏi làm bàng môn.*

Rồi cũng từ chỗ tâm vô ngại ấy, Đức Bồ Tát nhắc nhở chúng ta về cái nhìn bất nhị như sau:

*Ngày xưa các bậc thế tôn,*

<sup>(19)</sup> *Sūtra* (khế kinh) được Đức Phật thuyết bằng văn xuôi. Ngài thuyết khế kinh xong, có một số người đến chậm, không kịp nghe giảng. Với lòng từ bi, Đức Phật bèn dùng *kệ* (văn vần) thuyết thêm lần nữa. Theo kinh *Đại Bát Niết Bàn*, *kệ tụng* trên gọi là *geya* (tiếng Sanskrit, phiên âm là *Kỳ dạ*); cũng gọi *Trùng tụng* (tụng lại lần nữa) hay *Ứng tụng* (Đức Phật nương theo ý chúng sanh mà thuyết pháp lại). Để hiểu rõ hơn về *geya*, có thể xem thêm bài “*Geya: Dấu Ấn Của Đạo Phật Trong Thánh Giáo Cao Đài*” của Huệ Khải, in trong tập *Một Góc Nhìn Văn Hóa Cao Đài*.

*Sạch niềm trần tục, Phật môn gần kẻ.  
Ngày nay thức tỉnh giấc mê,  
Biết rằng phiền não, bồ đề không hai.*

*Phiền não* và *bồ đề* là một cặp đối lập. Nói *phiền não* và *bồ đề* không hai tức là ngụ ý *phiền não* là *bồ đề*, *bồ đề* là *phiền não*. Câu nói này dẫn chúng ta trở về với câu văn quen thuộc của Bát Nhã Tâm Kinh:

“*Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc ...*”

色不異空. 空不異色. 色即是空. 空即是色...

(*Sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc. Sắc chính là không, không chính là sắc.*)

Chúng ta đều hiểu đây là cái nhìn *bất nhị* 不二. *Bất nhị* tức là không hai, không hai chứ không phải một. Mới nghe thì ngỡ như là chơi chữ.

Trên đây đã nói, thông thường con người thế gian chúng ta nhận thức cuộc sống theo cái nhìn *nhị nguyên* (*dualistic*), nghĩa là luôn luôn thấy có hai mặt đối lập: ta người, thiện ác, tốt xấu, được mất, hơn thua, cao thấp, trên dưới, trong ngoài, sướng khổ, thánh phàm, đạo đời, tâm vật, v.v...

Tính *nhị nguyên* cũng giống như hai mặt của một đồng xu. Không thể tách rời mặt này ra khỏi mặt kia. Có đủ hai mặt thì đồng xu mới thành hình, mới tồn tại (hiện hữu). Khi ta biết nhìn các mặt đối lập trong thế gian như một song tồn hiện hữu của một đồng xu thì ấy là đã nhìn bằng tâm vô ngại, cũng là cái nhìn *bát nhã*.

Trở lại với lời dạy bằng văn xuôi của Đức Bồ Tát, chúng ta nhớ Ngài đã bảo:

“*Chánh pháp không ở ngoài thiên không vũ trụ mà ở ngay trong con người của hành giả. Khi ngộ nhập huyền môn tức*

*thị chánh pháp khai thông để lià khỏi tư ngã mới thấy tánh để thành Phật.”*

Phật là Như Lai. Như Lai không ở trong chùa, cũng không ở Tây Phương cực lạc mà Như Lai ở ngay trong con người của hành giả. Như Lai cũng là Cao Đài nội tại (*immanent God*).

Muốn thấy Phật, thấy Niết Bàn thì Bát Nhã Tâm Kinh dạy là lòng người phải “*vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh niết bàn*” 無有恐怖. 遠離顛倒夢想. 究竟涅槃. (*không còn sợ hãi, xa lià được điên đảo mộng tưởng, đạt tới cứu cánh niết bàn*).

Lòng không sợ hãi, không điên đảo mộng tưởng tức là lòng phẳng lặng như mặt nước hồ thu chẳng hề lăn tăn gợn sóng. Bát Nhã Tâm Kinh ngày xưa từng dạy như thế, thì giờ đây trong Tam Kỳ Phổ Độ chúng ta thấy Đức Bồ Tát diễn tả lại bằng cách hạ thủ bốn câu lục bát nhẹ nhàng như sau:

*Lặng lòng sẽ thấy Như Lai,  
Chơn không ló bóng Cao Đài bên trong.  
Biển đời khổ nạn muôn trùng,  
Đừng quên giữ một tâm trung vững vàng.*

Chúng ta trở lại với lời thiết tha nhắc nhở của Đức Bồ Tát trước khi tạm biệt chúng ta:

*Đôi lời Bồ Tát dặn dò,  
Hồi chư sĩ muội ráng lo tu hành.*

Chúng ta đều nhớ thánh giáo Cao Đài thường dạy rằng người tu Kỳ Ba này không phải là tu riêng cho cá nhân mình, được chững hay chớ. Cái thành công hay thất bại của người tu Kỳ Ba không phải chỉ tác động, chỉ ảnh hưởng tới cá nhân riêng lẻ của người ấy mà thật ra còn liên đới với đại cuộc tiến hóa của vũ trụ cần khôn, tức là Thiên cơ.

Nói cách khác, sự tu chứng hay đắc quả của mỗi người chính là để tiếp tay với Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế Cao Đài

Tiên Ông mà vận hành bánh xe tiến hóa của toàn vũ trụ. Đức Bồ Tát gọi như thế là “*vận trù Thiên cơ*”. Vận trù 運籌 tức là điều khiển, là vận hành (*to operate*).

Cho nên khi khuyên chúng ta ráng tu, Đức Bồ Tát đưa chúng ta vào vị thế tiếp tay, cộng sự với guồng máy của Trời. Đức Bồ Tát dạy:

*Đã tu thì phải ráng tu,  
Cho nên Tiên Phật vận trù Thiên cơ.*

Đó chính là giá trị cao cả mà người tu thời Tam Kỳ Phổ Độ được trang bị ý thức để nhận lãnh, gánh vác lấy trọng trách của mình. Cao Đài gọi đó là *sứ mạng đại thừa*. Mà sứ mạng đại thừa chính là sứ mạng của bồ tát.

Bồ tát giờ đây không phải là Quan Âm đâu. Bồ tát giờ đây chính là tất cả những người tu hành chọn chánh, những hành giả ung chịu hành thâm bát nhã, chuyên luyện cho thành tựu cái tâm vô ngại để bản thân hành giả có đủ điều dụng cứu độ cuộc đời.

Hiểu như vậy, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy Đức Quan Âm Bồ Tát gọi các bậc hành giả Kỳ Ba này cũng là *bồ tát*. Ngài dạy:

*Vì đời còn lắm tai nạn,  
Độ đời bồ tát nguyện hoàn công phu.*

*Công phu* là hành thiền. *Hoàn 完* là hoàn tất, là làm xong trọn vẹn. *Hoàn công phu* tức là hành thiền cho đạt được kết quả sau cùng mà kinh sách gọi là chứng đắc.

Hai câu thơ của Đức Bồ Tát gọi gắm chúng ta trước khi giã biệt quả thật vô cùng lãng mạn mà cũng rất đời kiêu hùng:

*Vì đời còn lắm tai nạn,  
Độ đời bồ tát nguyện hoàn công phu.*

Phải chăng Đức Quan Âm muốn nhắc nhở chúng ta rằng

Ngài là Bồ-Tát-đã-thành còn người tu chúng ta là bồ-tát-sẽ-thành?

Và Đức Quan Âm (vị Bồ-Tát-đã-thành) hứa với chúng ta (các bồ-tát-sẽ-thành) rằng lúc nào Ngài cũng chực chờ sát bên cạnh chúng ta, độ rỗi chúng ta. Ngài luôn luôn chờ đợi chúng ta: Vâng, lúc nào cũng có Bồ Tát Quan Âm đang đợi chờ các bồ tát sẽ thành:

*Bên người Bồ Tát đợi chờ,  
Rũ lòng trần tục, một giờ độ an.*

Xin cầu nguyện cho tất cả các hành giả chân chính trong Tam Kỳ Phổ Độ này thành tựu được tâm huyết mà Đức Bồ Tát Quan Âm ân cần ký thác.

*Nam mô Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai.*



## CÁC KINH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC ẤN TỔNG

- ❑ Đại Giác Thánh Kinh và Kinh Thánh Giáo Pháp
- ❑ Đại Thừa Chơn Giáo
- ❑ Bảo Pháp Chơn Kinh
- ❑ Quan Âm Phổ Chiếu Pháp Bảo Tâm Kinh
- ❑ Khuyển Nữ Hồi Tâm
- ❑ Địa Mẫu Chơn Kinh
- ❑ Thuyết Đạo: Chữ Tâm, Tình Thương, Ngọc Kinh
- ❑ Thánh Giáo Sưu Tập năm 1965
- ❑ Thánh Giáo Sưu Tập năm 1966
- ❑ Thánh Giáo Sưu Tập năm 1967
- ❑ Thánh Giáo Sưu Tập năm 1968
- ❑ Thánh Giáo Sưu Tập năm 1969
- ❑ Thánh Giáo Sưu Tập năm 1970
- ❑ Thánh Giáo Sưu Tập năm 1971
- ❑ Nữ Trung Tòng Phận
- ❑ Kinh Sám Hối
- ❑ Thánh ảnh Quán Thế Âm Bồ Tát
- ❑ Ngọc Minh Kinh
- ❑ Giáo Đoàn Nữ Giới
- ❑ Tu Chơn Thiệp Quyết
- ❑ Thánh Đức Chuyển Mê
- ❑ Thánh Đức Chơn Kinh
- ❑ Thánh Đức Chơn Truyền Trung Đạo
- ❑ Bình Minh Đại Đạo
- ❑ Hồi Dương Nhơn Quả và Ngọc Lịch Minh Kinh
- ❑ Thất Chơn Nhơn Quả (Lâm Xương Quang dịch)
- ❑ Thánh Huấn Hiệp Tuyển (Quyển I)
- ❑ Thánh Huấn Hiệp Tuyển (Quyển II)
- ❑ Huấn Từ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế

- ❑ Đạo Pháp Bí Giải
- ❑ Tam Thừa Chơn Giáo
- ❑ Kinh Pháp Hoa
- ❑ Thiên Địa Bát Dương
- ❑ Tư Tưởng Đạo Gia (*Hàn Sinh tuyển, Lê Anh Minh dịch*)
- ❑ Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên (*Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh*)
- ❑ Bồi Dưỡng Đức Tin (*Ngọc Giáo hữu Bùi Văn Tâm*)
- ❑ Lòng Con Tin Đấng Cao Đài (*Huệ Khải*)
- ❑ Cơ Duyên và Tuổi Trẻ (*Phạm Văn Liêm*)
- ❑ Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài (*Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh*)
- ❑ Tìm Hiểu Kinh Sám Hối (*Thanh Căn – Huệ Khải*)
- ❑ Tam Giáo Việt Nam – Tiền Đề Tư Tưởng Mở Đạo Cao Đài (*Huệ Khải – Sách song ngữ Việt Anh*)
- ❑ Có Một Tình Thương (*Bạch Liên Hoa*)
- ❑ Hương Quế Cho Đời (*Phạm Văn Liêm*)
- ❑ Đạo Nguyên Chánh Nghĩa (*Vĩnh Nguyên Tự*)
- ❑ Hành Trang Người Đạo Cao Đài (*Diệu Nguyên*)
- ❑ Ngài Minh Thiện: Cuộc Đời & Đạo Nghiệp (*Đại Cơ Hườn*)
- ❑ Thất Chân Nhân Quả (*Lê Anh Minh dịch và chú*)
- ❑ Giải Mã Truyện Tây Du (*Huệ Khải*)
- ❑ Hành Trình Về Phương Đông (*Nguyên Phong*)
- ❑ Một Dòng Bát Nhã (*Huệ Khải*)

### ĐÓN ĐỌC:

- ❑ Thiệu Thư:  
Cảm Ứng Thiên – Âm Chất Văn – Công Quả Cách (*Lê Anh Minh*)
- ❑ Lời Vàng Sen Trắng

## MƯỜI CÔNG ĐỨC ẤN TỔNG KINH SÁCH KHUYẾN THIỆN

- 1) Một là những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.
- 2) Hai là thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.
- 3) Ba là vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu, oan trái của đời trước cũng như đời này.
- 4) Bốn là các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa, ác quỷ, rắn độc, hùm beo tránh xa không dám hãm hại.
- 5) Năm là tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiển sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
- 6) Sáu là chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y thực đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.
- 7) Bảy là lời nói việc làm Trời, người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.
- 8) Tám là ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.
- 9) Chín là vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.
- 10) Mười là hay vì tất cả chúng sanh trông các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

## CHUNG TAY CÔNG QUẢ PHÁP THÍ

Theo kinh *Tam Nguơn Giác Thế* (Chiếu Minh Đán, Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, do Tiền bối Cao Triều Trực ấn tống), trong đàn cơ ngày 02-11 Tân Mùi (10-12-1931), đức **Thần oai Viễn trấn Quan Thánh Đế Quân** giảng dạy như sau (tr.36):

*“Phàm người tu hành mà đặt đặng một bộ kinh sám mà khuyên chúng làm lành thì người ấy đặng thành tiên. Còn người văn chương quân tử mà làm đặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người đặng thành thánh.”*

Trong đàn cơ tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 23-12 Kỷ Dậu, thứ Sáu 30-01-1970, Đức **Giáo tông Đại đạo Thái Bạch Kim Tinh** dạy:

*“Hơn một lần, Bản Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phúc đức, công quả trọng đại hơn.”*

Thánh giáo soi rọi cho mọi người thấy rằng tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Thế nên kinh sách Tam Giáo xưa nay luôn dạy nhân sanh hãy biết làm pháp thí.

Nếu Quý vị phát tâm muốn công quả ấn tống kinh sách khuyến thiện (tại Hoa Kỳ được trừ thuế lợi tức cuối

năm theo luật lệ hiện hành), chi phiếu xin đề “**Thiên Lý Bửu Tòà**” với ghi chú “Kinh sách” và gửi về:

**THIÊN LÝ BỬU TÒA**  
12695 Sycamore Ave  
San Martin, CA 95046. USA  
Điện thoại: (408) 683-0674

**HUỆ KHẢI**  
**MỘT DÒNG BÁT NHÃ**

*Trình bày & Kỹ thuật:* DỪ LAN  
*Vẽ bìa:* LÊ ANH HUY  
*Bìa 4:* HUỆ KHẢI VĂN TẬP 慧啓文集  
*Thư pháp:* TRƯƠNG LỘ 張路  
*Sửa bản in:* ĐẶNG THIÊN ÂN & THIÊN KIM



*Thực hiện:* NHÀ XUẤT BẢN TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

[www.tamgiaodongnguyen.com](http://www.tamgiaodongnguyen.com)

**SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)**

Địa chỉ liên lạc:  
**THIÊN LÝ BỬU TÒA**  
12695 SYCAMORE AVE  
SAN MARTIN, CA 95046. USA  
Tel: (408) 683-0674  
[www.thienlybuutoa.org](http://www.thienlybuutoa.org)

Printed in the USA by  
PAPYRUS (Chi Thảo)  
1002 South 2<sup>nd</sup> St, San Jose, CA 95112  
(408) 971-8843 • [papyrusqt@yahoo.com](mailto:papyrusqt@yahoo.com)